

THÀNH DUY-THỨC LUẬN

Quán Tâm Pháp Yếu

PHẦN III

THỨC NĂNG BIẾN THỨ HAI



trưởng nam trần ngọc dụng
hiệu đính và trình bày

2013

Trong quyển này

CHƯƠNG MỘT – CHÁNH THÍCH TỤNG VĂN

I. Hỏi để nêu tụng.....	3
II. Dùng luận giải thích.....	3
A.- Giải thích tên	3
B.- Giải thích chỗ dựa.....	4
1. Chánh thích chỗ dựa của thức này	4
2. Luận thêm về chỗ dựa của các thức	5
3. Kết luận đưa về chỗ dựa của bản tụng	16
C.- Giải thích chỗ nương theo	16
1. Chánh thích chỗ nương theo	16
2. Giải thích trở ngại	18
D.- Giải thích tánh tướng.....	18
E.- Giải thích bốn pháp cùng nhiễm	18
G.- Giải thích các Tâm-sở tương-ung.....	20
1. Lúc chưa chuyển y	20
2. Lúc đã chuyển y	25
H.- Giải thích ba tánh	25
K.- Giải thích các cõi liên hệ.....	25
L.- Giải thích khi lặng dứt	25
1. Nói rõ: không có Mạt-na nhiễm	25
2. Nói rõ có Mạt-na tịnh	26

CHƯƠNG HAI -- CHÚNG CÓ THỨC THỨ BẢY

I. Nói rõ Thánh-giáo	30
A.- Chánh thích.....	30
B.- Rộng chỉ	32
II. Bày tỏ chánh lý.....	32
A.- Kết trước, mở sau:	32
B.- Bày tỏ Chánh-ly	32
1. Hằng hành Vô-minh	32
2. Làm duyên sanh thức	35
3. Nghĩ lường tên là Ý	36
4. Định Vô-tâm có khác nhau	36
5. Cõi trời Vô-trưởng có nhiễm	37
6. Ba tánh lúc nhiễm.....	38
C.- Rộng chỉ, khuyên tin.....	39
III. Tổng kết qua các phương tiện	39

Phần Hai

CHƯƠNG I – CHÁNH THÍCH TỤNG VĂN

I.- Hỏi để nêu tụng

Nghĩa: Như vậy, đã nói tướng Năng-biến thứ nhất. Thức Năng-biến thứ hai, tướng của nó thể nào? Tụng nói:

*Hai, Năng-biến thứ nhì
Thức này tên Mạt-na¹
Dựa kia², xoay nương kia³
Nghĩ lường làm tánh⁴ tướng⁵
Thường cùng bốn phiền-não
Là Ngã-si, Ngã-kiến,
Với lời Ngã-mạn, Ngã-ái⁶
Và cùng Xúc, các thứ⁷
Thuận Hữu-phú vô-ký⁸
Theo chỗ kia sanh về⁹
Đến La-hán, Diệt-định
Đạo xuất-thế, không còn¹⁰*

II. Dùng luận giải thích

A.- Giải thích tên

Nghĩa: Sau một, nói về A-lại-da là thức Năng-biến thứ nhất; đến hai, phải nói về tướng Thức Năng-biến thứ nhì: thức này Thánh-đạo gọi tên riêng là Mạt-na, vì nó hằng liệu lường, suy nghĩ, xét đoán, hơn các thức khác.

Thích: Mạt-na, Tàu dịch là Ý; nghĩa của nó là: hằng lo liệu, suy-nghĩ, xét đoán, “Hơn các thức khác” là: thức thứ tám thì hằng mà chẳng xét đoán; thức thứ sáu thì xét đoán mà không hằng: năm thức trước thì chẳng hằng cũng chẳng xét đoán. Chỉ có thức thứ bảy, ở cương vị chưa xoay đổi (chuyển) thì hằng xét đoán, lo nghĩ, vọng chấp Ngã, Pháp; ở cương vị đã xoay đổi thì hằng xét đoán, lo nghĩa về cái lý bình-đẳng của hai Không.

Thích: Hỏi: Thức này tên là Ý thì nó khác với ý-thức thứ sáu ở chỗ nào?

Đáp: Thức thứ bảy thì giải nghĩa là “giữ nghiệp giống như tên “Tàng thức” vì theo cái thể của thức thì đó là cái Dụng của Ý-căn, còn thức thứ sáu thì giải nghĩa là “dựa vào sự làm chủ”,

-
- ¹ giải thích tên
 - ² thức A-lại-da là chỗ dựa
 - ³ thức A-lại-da là chỗ nương theo
 - ⁴ thể tánh
 - ⁵ hành tướng
 - ⁶ cùng nhiễm
 - ⁷ tâm sở tương-ưng
 - ⁸ ba tánh
 - ⁹ chín cõi liên hệ
 - ¹⁰ lạng dứt

giống như tên của Nhãn-thức, v.v... vì theo cái thể của thức thì nó khác ở chỗ dựa của ý-căn. Nhưng các thánh giáo sợ có sự lẫn lộn giữa hai thức, nên đối với thức thứ bảy thì chỉ gọi là ý, chứ không gọi là ý-thức.

Lại nêu tên là Ý để tránh tên Tâm của thức thứ tám và tránh tên Thức của sáu thức trước, vì thức thứ bảy này, đối với hai nghĩa “nhóm khởi” và “phân biệt” thì nó yếu kém thua bảy thức kia; hoặc muốn bày tỏ thức thứ bảy, đối với thức thứ sáu, bởi chỗ dựa gần nhau, nên chỉ gọi là “Ý”.

Thích: Sự hỏi, đáp này cho thấy có ý-nghĩa lựa chọn toan-tính trong việc đặt tên: nếu thức này gọi là Mạt-na thức, dịch thành ý-thức, thì nó khác với thức thứ sáu ở chỗ nào? Bởi thế, nói: nếu thức thứ bảy gọi là ý-thức, ắt thức là thể, ý là dụng; thể hay giữ dụng, dụng chẳng lìa thể; ý thức là Ý, giống như Tàng-thức, giải là “giữ nghiệp”. Nếu thức thứ sáu gọi là ý-thức, ắt thức là thức hay dựa, ý là căn được dựa, căn chẳng phải là thức, thức dựa vào căn, giống như nhãn-thức, nhĩ-thức, v.v... giải là “dựa vào sự làm chủ”.

Nhưng các thánh giáo chỉ gọi thức thứ bảy là ý, chẳng gọi là ý-thức, vì sợ lẫn lộn với thức thứ sáu. Trên đây chỉ nói chỗ khác nhau với thức thứ sáu. Từ “Lại nêu ...” là chỗ khác nhau với thức thứ bảy. Ý nói: nếu dựa vào sự “hằng lo nghĩ, xét đoán” thì thức thứ bảy hơn cả bảy thức kia. Nếu dựa vào sự “nhóm dậy gọi là tâm” thì thức thứ bảy tuy cũng có nghĩa “nhóm dậy” nhưng so với thức thứ tám thì nó kém thua. Nếu dựa vào sự “phân biệt gọi là thức” thì thức thứ bảy cũng có nghĩa phân biệt, nhưng so với thức thứ sáu thì nói kém thua, vì thế chỉ gọi là ý.

Sau cùng, bày tỏ thức thứ bảy chẳng cùng dựa vào một chỗ với thức thứ sáu, tuy chỗ dựa gần nhau: văn sau sẽ giải thích đầy đủ.

B. Giải thích chỗ dựa

1. Chánh thích chỗ dựa của thức này

Nghĩa: “Dựa kia xoay ...” là bày tỏ chỗ dựa của thức thứ bảy này, “kia” là thức năng-biến ban đầu tức thức thứ tám. Thánh Từ-thị, nói: “Thức Mạt-na dựa vào Tàng-thức”, nghĩa là: “Ý” chỉ lấy các chủng-tử trong thức thứ tám làm chỗ dựa, chẳng phải dựa vào hiện-thức của thức thứ tám, vì thức thứ bảy hằng không gián đoạn, chẳng mượn hiện-thức làm “chỗ dựa cùng có” mới được sanh. Nghĩa là: thức thứ bảy tất nhiên lấy các chủng-tử trong thức thứ tám và hiện-thực của thức này, cũng là chỗ dựa vì thức thứ bảy tuy không gián đoạn, nhưng có xoay đổi, cũng gọi là chuyển-thức; tất nhiên cũng mượn hiện-thức của thức thứ tám là “chỗ dựa cùng có” mới được sanh. Chuyển là: lưu-chuyển (tức sanh khởi liên tục), sự việc này cho thấy: thức thứ bảy hằng dựa vào hiện-thức và chủng-tử của thức thứ tám mà nối tiếp sanh-khởi, tức lấy chỗ dựa làm chỗ nương theo vậy¹¹.

Thích: Chỗ dựa: được giải thích trên đây, có hai nghĩa, nghĩa sau là chính. Nói “có xoay đổi” là: lúc khởi Thánh-đạo thì đối-nhiệm thành tịnh; Quả Trí hai Không hiện-tiền thì thức thứ bảy được tương-ung với Bình-đẳng tánh-trí. Lúc quả trí không Pháp chẳng hiện-tiền thì thức thứ bảy vẫn còn khởi chấp Pháp “cùng sanh”. Lúc quả trí không sanh chẳng hiện-tiền thì thức thứ bảy vẫn còn khởi chấp Ngã “cùng sanh”, cho nên tất nhiên cần lấy hiện-thức thức thứ tám là “chỗ dựa cùng có”; nếu là chủng-tử trong thức thì lại là “chỗ dựa thuộc nhân duyên.”

¹¹ thường tình thì “chỗ dựa” ở phía sau, còn “chỗ nương theo” ở phía trước, ví dụ như: dựa cửa trông con về. Nay chỗ dựa làm chỗ nương, nên có chữ “xoay” diễn tả điều đó.

Lưu là: nối tiếp (như sự chảy của nước). Chuyển là: sanh khởi (nên “lưu chuyển” là sanh khởi liên tục).

2. Luận thêm về chỗ dựa của các thức

a. Giải thích sơ lược

Nghĩa: Các tâm, tâm-sở đều có chỗ dựa. Nhưng, nói chung có ba nghĩa:

- **một** là: “chỗ dựa thuộc nhân duyên” (nhân duyên y) tức chủng-tử riêng của mỗi pháp hữu-vi; các pháp hữu-vi đều được gửi vào chỗ dựa đó, vì lìa nó tất không sanh được.
- **hai** là: “chỗ dựa thâm duyên (tăng thượng duyên y) tức sáu xứ bên trong: các tâm, tâm-sở đều được gửi vào chỗ dựa đó, vì lìa căn “cùng có” tất chẳng xoay đổi được.
- **ba** là: “chỗ dựa làm duyên chẳng dứt (đẳng vô gián duyên y), thức ý còn lại khi niệm trước đã mất; các tâm, tâm-sở đều được gửi vào chỗ dựa đó, vì lìa “căn mở lối trước” đó, tất chẳng khởi tâm, tâm-sở nơi niệm sau được.

Thích: Ba đoạn:

- đoạn **một**: **nhân duyên y**: đối với Quả gọi là Nhân. Nhân là điều kiện (duyên) để được sanh; chẳng phải Tăng-thượng duyên, Sở duyên duyên, và Đẳng vô-gián duyên, nên gọi là Nhân-duyên, tức các tâm, tâm-sở đều có chủng-tử riêng, cũng gọi là “chủng-tử y” (chỗ dựa là chủng-tử).
- đoạn **hai**: **tăng thượng duyên y**: chỉ nói “tăng thượng duyên” ắt chỗ thâm về rất rộng. Nay đã gọi là “chỗ dựa” ắt chỉ gom về giữ sáu căn là: năm tịnh sắc căn và ý-căn, vì là do vọng-tâm nắm giữ nên gọi là “bên trong”. Chỗ dựa thứ hai này cũng gọi là “câu hữu y” (chỗ dựa cùng có).
- đoạn **ba**: **đẳng vô-gián duyên y**: chỉ nói “đẳng vô gián duyên”, ắt tâm, tâm-sở đều được làm duyên, nên cũng hơi rộng. Nay đã gọi là “chỗ dựa”, ắt chỉ giữ nghĩa vô gián, tức tâm-vương mất trông ngóng tâm sau, gọi là ý-căn. Căn này mở lối cho tâm, tâm-sở khởi ở niệm sau, nên cũng gọi là “khai đạo y” (chỗ dựa mở lối).

Nghĩa: Chỉ có tâm, tâm-sở là có đủ ba chỗ dựa, gọi là “có chỗ dựa riêng”, chẳng phải do các pháp khác.

Thích: “Các pháp khác” là: Sắc, Bất tương-ung hành”, Vô-vi pháp: ba loại này đều chẳng dùng ba chỗ dựa.

b. Giải thích rộng rãi

1) Giải thích chủng-tử y (chỗ dựa là chủng-tử)

Nghĩa: Về chủng-tử y, có thuyết nói: điều quan trọng là: chủng-tử diệt rồi, hiện-quả mới sanh, vì Tập-luận có nói: phải không có chủng-tử rồi mới có sanh. Lại như các vật ở thế gian, hạt giống và mầm non chung “cùng có”.

Thích: Trước tiên, đây trình bày Kinh-bộ sự giải thích cách khác.

Nghĩa: Thuyết dẫn Tập-luận làm chứng không thành được, vì trong Tập-luận chỉ dựa vào sự dẫn sanh chủng-tử đồng loại về sau mà nói, chứ chẳng dựa vào sự dẫn sanh hiện quả mà nói. Lại, hạt giống sanh mầm non, v.v... là dựa vào thế tục mà giả nói, chẳng phải dựa vào thắng-nghĩa của thế gian mà nói, vì hạt giống mất, mầm non sanh, chẳng phải là thành sự hẳn, mà nên như ngọn đèn với tim đèn đồng thời mới có thể thay nhau làm nhân. Như vậy, chủng-tử đồng

loại, nhân quả chẳng “cùng có”, mà chủng-tử với hiện hành sanh nhau quyết định cùng có.

Thích: Sau đây là chánh thích của Đại-thừa. Đoạn này, trước phá cách giải thích, sau nói rõ chánh nghĩa.

“Ngọn đèn với tim đèn đồng thời” là: như tim đèn sanh ngọn đèn, ngọn đèn cháy tim đèn: tim đèn sanh ngọn đèn, dụ cho chủng-tử sanh hiện hành; ngọn đèn cháy tim đèn, dụ cho chủng-tử hiện hành huân chủng-tử. Nếu tim trước với tim sau ngóng nhau, tức có thể dụ cho chủng-tử dẫn chủng-tử. Nếu ngọn đèn trước với ngọn đèn sau ngóng nhau, tức có thể dụ cho hiện hành dẫn hiện hành. Như vậy, nhân duyên, tự nó có ba nghĩa:

- một là chủng dẫn chủng: nhân quả chẳng cùng có, vì khác niệm, dụ như tim trước tim sau;
 - hai là chủng sanh hiện;
 - ba là hiện huân chủng
- } quyết định cùng có, vì đồng thời, dụ như tim sanh ngọn, ngọn cháy tim.

Nếu hiện dẫn hiện thì chỉ gọi là đẳng vô-gián duyên chẳng gọi là nhân duyên, dụ như ngọn đèn trước ngọn đèn sau, chỉ có thể dẫn nhau, nhưng ngọn đèn sau thực chẳng phải do ngọn đèn trước sanh ra, vì nếu hết tim thì ngọn đèn trước chẳng có thể lại sanh nơi ngọn sau được.

Nghĩa: Bởi thế, luận Du-già nói: pháp Vô-thường làm nhân đối với tánh khác nó, cũng làm nhân đối với tự tánh của niệm sau: đó là nghĩa nhân duyên.

Nói “tự tánh của nó” tức bày tỏ tự loại chủng-tử trước làm nhân cho chủng-tử sau. Nói “tánh khác nó” tức bày tỏ nghĩa chủng-tử với hiện hành thay nhau làm nhân.

Luận Nhiếp Đại-thừa cũng nói như vậy: tàng-thức đối với pháp nhiễm lại làm nhân duyên với nhau, giống như bó lau đồng thời cùng có. Lại nói: chủng-tử với quả đất cùng có, cho nên chủng-tử y, nhất định chẳng có sau trước. Giả sử có nơi nói: “chủng-tử và hiện quả sau, trước” thì nên biết: đều là tùy duyên mà xoay đổi lý.

Như vậy, tám thức với các tâm-sở nhất định đều riêng có chủng-tử làm chỗ dựa.

Thích: Đây là dẫn hai luận để xác nhận: chủng-tử y hẳn đồng thời cùng có. “Pháp vô-thường” là chỉ chung các chủng-tử của các tâm, tâm-sở, vì các chủng-tử, tuy giống như nối tiếp chẳng hoại, chẳng mất, nhưng thể lại sanh diệt, nên gọi là vô-thường. Chủng-tử vô-thường, ắt hiện hành cũng vô-thường. Khi chủng-tử ngóng chủng-tử thì giả gọi là tự tánh; khi chủng-tử ngóng hiện hành thì giả gọi là tha tánh (tánh khác); do đó, nói đồng loại, khác loại. “Pháp nhiễm” chỉ bày chuyển thức hữu-lậu trước. “Tùy duyên mà xoay đổi lý” là: lý chẳng nhất định không thay đổi, mà tùy trường hợp dùng phương tiện tạm nói.

2) Giải thích câu-hữu ý (chỗ dựa cùng có) Bốn nhà giải thích; nhà thứ tư là chính

(a) Nhà thức nhất giải thích

Nghĩa: Thứ hai là câu-hữu y. Có thuyết nói: Năm thức như nhãn-thức, v.v... đồng thời dùng ý-thức làm Câu-hữu y, vì lúc năm thức hiện khởi tất nhiên Ý-thức; không riêng Nhãn-căn, v.v... làm câu-hữu y, vì năm căn như nhãn-căn, tức là chủng-tử của năm thức, như trong “Nhị thập Duy-thức già-tha” nói:

*Thức từ chủng-tử sanh
Chuyển giống như tướng cảnh
Làm thành Xứ trong, ngoài,
Phật nói có mười xứ.*

Bài tụng này có ý nói: đức Thế-tôn lập thành mười xứ là: lấy chủng-tử của năm thức làm năm căn, thành năm xứ ở trong; lấy tướng phần của năm thức làm năm cảnh, thành năm xứ ở ngoài. Nên biết năm căn như nhân-căn, v.v..., tức là chủng-tử của năm thức. Luận “Các sở-duyên duyên” cũng nói như vậy:

*Trên Thức, sắc công-năng
Gọi “năm căn” phải lý.
Công-năng và Cảnh-sắc
Thay làm nhân xưa nay.*

Bài tụng này ý nói: Trên thức Dị-thụ hay sanh chủng-tử của Sắc-thức, v.v..., vì hay sanh hiện hành của Nhân-thức, v.v... nên gọi là ‘sắc công-năng’, tức công-năng này gọi là năm căn, không riêng có năm sắc-căn, như mắt, v.v... Chủng-tử và Sắc-thức thường thay nhau làm nhân, vì hiện thức, hiện sắc năng-huân thường cùng chủng-tử thay nhau làm nhân. Thức thứ bảy, thứ tám không riêng có “câu-hữu y” này, vì hằng xoay đổi nối tiếp do tự sức của chúng mạnh hơn. Ý-thức thứ sáu riêng có “câu-hữu ý” này, vì nó cần phải nương nhờ nơi thức Mạt-na mới khởi được.

Thích: Sắc-thức tức nhân-thức: dựa vào căn thì gọi là nhân-thức; dựa vào trần thì gọi là Sắc-thức. Còn bốn thức nữa, cứ so sánh theo đó mà biết.

Trong sự giải thích này, lấy Ý-thức làm câu-hữu y của năm thức là sự sai lầm thứ nhất; lấy chủng-tử của năm thức làm năm căn là sự sai lầm thứ hai; nói hai thức thứ bảy, thứ tám không có câu-hữu y là sự sai lầm thứ ba. Chỉ có một điều không sai lầm là nói: thức thứ sáu dựa vào thức Mạt-na mà thôi.

(b) Nhà thứ hai giải thích

Nghĩa: Trong thuyết của họ, Giáo và Lý trái nhau: nếu năm sắc-căn tức chủng-tử của năm thức, ắt chủng-tử của 18 giới phải thành lộn xộn. Nhưng 18 giới đều có chủng-tử riêng, vì trong Thánh-giáo, nơi nào cũng nói như vậy; (đó là chỗ trái thứ nhất).

Thích: Đây là: trước phá chỗ sai lầm của nhà thứ nhất nói: chủng-tử của thức làm căn. “Chủng-tử của 18 giới phải thành lộn xộn” là: nếu lấy chủng-tử của thức làm căn thì căn hoàn toàn không có chủng-tử; nếu lấy căn làm chủng-tử của thức thì thức hoàn toàn không có chủng-tử.

Nghĩa: Lại, chủng-tử của năm thức đều có công-năng sanh ra phần: tướng, kiến khác nhau. Vậy, căn cứ vào phần nào để gọi là nhân-căn? Nếu chấp chủng-tử thuộc kiến-phần của năm thức làm căn, ắt kiến-phần thuộc về tâm, phải thuộc thức uẩn. Nếu chấp chủng-tử thuộc tướng-phần của năm thức làm căn, ắt tướng-phần về cảnh, phải thuộc ngoại xứ. Thế là trái với Thánh-giáo nói: năm căn, như mắt, v.v... đều là sắc uẩn, thuộc nội xứ; (đó là chỗ trái thứ hai).

Lại nữa, nếu năm căn tức là chủng-tử của năm thức, ắt năm căn phải là nhân duyên gần của năm thức, chẳng nên nói là thuộc tăng-thượng duyên; (đó là chỗ trái thứ ba).

Lại nữa, nếu hai căn mũi, lưỡi, tức là chủng-tử của tỷ-thức và thiệt-thức, ắt hai căn mũi, lưỡi, cũng như hai thức đó chỉ phải thuộc cõi Dục, hoặc đáng ra hai thức đó cũng như hai căn mũi lưỡi phải thông với cõi Sắc. Chấp nhận thuyết ấy là trái với Thánh-giáo.

Lại nữa, nếu ba căn mắt, tai, thân, tức là chủng-tử của nhãn-thức, nhĩ-thức, thân-thức, ắt bị vặn hỏi là thông năm địa hay hai địa, trong hai cõi Dục và Sắc-giới; (đó là chỗ trái thứ tư).

Thích: Ba căn mắt, tai, thân, thông năm địa là: ngũ thú tạp cư địa (cõi Dục), Ly sanh hỷ lạc địa (sơ thiên). Định sanh hỷ lạc địa (Nhị thiên), Ly hỷ diệu lạc địa (Tam thiên), Xả niệm thanh tịnh địa (Tứ thiên). Nhân-thức, nhĩ-thức, thân-thức, ba thức ấy chỉ thông hai địa là: Ngũ thú tạp cư địa và Ly sanh hỷ lạc địa.

Nay nếu chấp ba căn mắt, tai, thân, tức là chủng-tử của ba thức liên quan, ắt hoặc là căn phải như Thức, chỉ thu là trong hai địa; hoặc lại Thức phải như căn, cũng thông năm địa.

Nghĩa: Lại nữa, chủng-tử của năm thức đã thông thiện, ác, thì đáng ra năm sắc-căn chẳng phải chỉ vô-lý; (đó là chỗ trái thứ năm).

Lại nữa, chủng-tử của năm thức không thuộc chấp thọ, thì năm căn cũng phải chẳng “có chấp thọ”; (đó là chỗ trái thứ sáu).

Thích: Thức thứ tám duyên tất cả các chủng-tử, chỉ duyên mà chẳng chấp thọ.

Nay nói: năm căn chỉ là chủng-tử của năm thức, ắt thức thứ tám chẳng nên chấp thọ năm căn. Vậy, giáo với lý há chẳng trái nhau sao?

Nghĩa: Lại, năm sắc-căn, nếu tức là chủng-tử của năm thức, thì đáng ra chủng-tử của ý-thức tức là Mạt-na, vì Mạt-na này lấy năm căn làm đồng pháp; (đó là chỗ trái thức bảy.)

Thích: Đồng-pháp là đồng làm căn hay làm chỗ dựa cho các chuyển thức có gián đoạn.

Nghĩa: Lại nữa, luận Du-già nói: các thức như Nhân-thức, v.v... đều đủ ba chỗ dựa. Nếu năm sắc căn tức là chủng-tử của năm thức thì chỗ dựa chỉ còn hai; (đó là chỗ trái thức tám).

Thích: Chủng-tử của thức hiện hành là chủng-tử y. Năm căn là câu-hữu y. Trước diệt Ý là khai đạo y. Nếu nói: căn tức là chủng-tử của thức. Vậy là hiệp Câu-hữu y làm chủng-tử y, nên chỉ còn lại có hai chỗ dựa vậy.

Nghĩa: Lại nữa, các Thánh-giáo nói: năm căn như nhãn-căn, v.v... đều thông: có hiện hành, có chủng-tử. Nay chấp: chỉ có chủng-tử của thức làm năm căn, vậy là trái với tất cả các Thánh-giáo; (đó là chỗ sai thứ chín).

Thích: Chánh phá nhà thứ nhất giải thích: “Chủng-tử của thức là năm căn”. Hết.

Nghĩa: Sợ bị hỏi vặn như trên đã nói, nên những người bên vực cho nhà thứ nhất lại tự cứu chữa rằng: trong thức Dị-thục, có công-năng chiêu cảm những chủng-tử làm nghiệp tăng-thượng cho năm thức; các nghiệp-chủng ấy gọi là năm sắc-căn, chứ chẳng phải các chủng-tử làm nhân duyên sanh năm thức (gọi là năm sắc-căn).

Như vậy, hợp với hai bài tụng đã dẫn trên và khéo thuận với luận Du-già.

Thích: Đoạn tự cứu chữa này có ý nói: chủng-tử các nghiệp thiện ác do năm thức tạo tác có thể chiêu cảm năm thức vô-ký thuộc quả Dị-thục sắp đến, tức các nghiệp-chủng này, gọi là năm sắc-căn; chúng làm tăng-thượng duyên sanh ra nhãn thức, v.v... tức lấy chủng-tử của tăng-thượng nghiệp làm căn, ắt hiệp với nghĩa “Thức từ chủng-tử sanh” trong bài tụng của *Nhị thập Duy-thức*, và cũng hợp với nghĩa “công-năng của sắc-thức gọi là năm căn” nói trong luận *Quán sở-duyên duyên*. Các chủng-tử đó chỉ làm tăng-thượng duyên, chẳng làm nhân duyên; lại cũng thuận với luận Du-già nói “đủ ba nghĩa dựa”.

Nghĩa: Lời của họ nói là hư dối, không có thực nghĩa: nghiệp-chủng (chủng-tử của các nghiệp) là do thiện ác huân thành; chúng thông với các tánh thiện, nhiễm; nếu chấp chúng làm căn thì đáng ra năm sắc-căn chẳng phải vô-ký.

Lại nữa, năm căn của họ chấp, đáng ra chẳng phải chỉ có chấp thọ, vì nghiệp-chủng chẳng phải là chỗ được chấp-thọ; cũng chẳng phải chỉ thuộc sắc-uẩn, vì nghiệp-chủng chẳng phải sắc, nên cũng chẳng phải chỉ thuộc nội-xú, bởi nghiệp chủng thông với nội, ngoại.

Hai căn mũi, lưỡi, vì chỉ hệ thuộc cõi Dục nên nghiệp-chủng của hai thức liên quan chỉ ở cõi Dục, vì hai căn mũi, lưỡi, chẳng được thông với sắc-giới; vì ba căn Mắt, Tai, Thân, chẳng được hệ thuộc năm địa, nên nghiệp-chủng của ba thức liên quan chỉ ở hai địa, bởi ba căn cũng phải chỉ ở hai địa; nghiệp-chủng của Ý-thức chiêu cảm phải là Mạt-na, vì năm căn là đồng-phép. Năm căn như Mắt, v.v... lại cũng chẳng được thông với hiện hành và chủng tử. Lại nghiệp thuộc Tư tâm-sở, nếu chấp nó làm căn, ắt năm căn như Mắt, ... đáng ra chẳng phải là sắc-căn. Lại năm thức của các căn đều thông ba tánh, nếu bảo năm thức đều do nghiệp-cảm ắt chúng phải một hướng chung là chỉ thuộc tánh vô-ký, chẳng thông với hai tánh thiện, nhiễm.

Lại năm thức vô-ký là nghiệp sở-cảm, có thể có mắt, v.v... làm câu-hữu y; nếu đã chẳng phải do nghiệp-cảm, đáng ra không có mắt, v.v... làm câu-hữu y. Bởi thế, lời của họ nói: “nghiệp-chủng làm năm căn” chẳng phải là khéo cứu chữa. Lại, các Thánh-giáo, nơi nào cũng nói: thức A-lại-da biến hiện giống như năm tịnh sắc-căn và xứ sở của căn địa; thế giới cõi đời, v.v... tại sao họ bác bỏ, nói không có năm tịnh sắc-căn? Đã nhận cho năm thức như nhãn-thức, v.v... biến hiện giống như sắc, v.v... năm trần là cảnh của tướng-phần bên ngoài, mà chẳng chấp nhận năm căn như mắt, v.v... là tướng-phần bên trong do Tàng-thức biến hiện ra: như thế là mê lầm, trái ngược với giáo lý một cách sâu đậm.

Thích: Trên đây là phá chỗ họ cứu chữa.

Dưới đây là giải thông các tụng đã dẫn.

Nghĩa: Như vậy, luận *Nhị-thập Duy-thức* và luận *Quán Sở duyên duyên* của Già-tha nói: “Công-năng của sắc, hoặc chủng-tử gọi là năm căn” là vì muốn phá các bộ vọng-chấp rằng: “lia thức, thực có sắc-căn”: nơi bốn-thức biến hiện giống như mắt, v.v... và có phát sanh ra cái dụng của năm thức, nên giả gọi là “chủng-tử và công-năng của sắc”, chẳng phải gọi là sắc-căn tức là chủng-tử của thức và chủng-tử của nghiệp (thức chủng-tử và nghiệp-chủng).

Thích: Từ đây trở lên là phá lối giải thích của nhà thứ nhất. Từ đây trở xuống là tự lập cái nghĩa chưa được hoàn toàn ổn thoả.

Nghĩa: Lại nữa, Minh liễu ý-thức duyên theo năm cảnh, đáng ra lấy năm thức làm câu-hữu y, và Minh liễu ý-thức kia hẳn nhiên đồng thời cùng khởi với năm thức. Nếu như Minh liễu ý-thức kia có thể chẳng dựa vào năm thức như nhãn thức, ắt đồng thời Ý-thức cũng nên chẳng dùng năm thức làm chỗ dựa, vì ý-thức và năm thức thế lực bình đẳng, thay nhau làm chỗ dựa cho nhau.

Lại thức thứ bảy, tuy không gián đoạn, nhưng ở cương vị tu đạo, kiến đạo, v.v... hữu-lậu, vô-lậu, nó có khởi dứt, có đổi dời, nên như sáu thức, nó phải có câu-hữu y; không vậy thì nó chẳng được thuộc về loại chuyển thức, hoá ra trái ngược với Thánh-giáo nói chuyển thức có bảy món; bởi thế, phải chấp nhận thức Mạt-na thứ bảy tất nhiên cũng có câu-hữu y. Câu-hữu y này là hiện hành của thức thứ tám, như luận *Du-già* nói. Vì có Tàng-thức mới có Mạt-na; Mạt-na làm chỗ dựa, ý-thức mới chuyển được. Ý của Luận ấy nói: vì Tàng-thức hiện hành làm chỗ dựa nhờ mới có được Mạt-na, chứ chẳng phải do các chủng-tử ở trong đó. Nếu chẳng như vậy, thì Luận ấy đáng ra phải nói: vì có Tàng-thức nên ý-thức mới chuyển, bởi trong Tàng-thức cũng có chủng-tử của ý-thức.

Do đó, thuyết của họ, lấy chủng-tử làm căn, và nói thức thứ bảy không có câu-hữu y, là lý

của họ trái ngược với Chánh-giáo.

Thích: Đoạn này nói rõ: Minh-liễu ý-thức lấy năm thức trước làm chỗ dựa là sai; nói thức Mạt-na lấy hiện hành của thức thứ tám làm chỗ dựa là đúng.

Nghĩa: Bởi vậy, nên nói: năm chuyển thức trước, mỗi một quyết định có hai câu-hữu y (câu hữu-y phải có bốn, nay còn thiếu hai): đó là năm sắc-căn (đúng) và ý-thức đồng thời (đúng).

Chuyển thức thứ sáu quyết định hằng có một câu-hữu y (nó phải có hai, nay còn thiếu một); đó là thức thứ bảy (đúng). Nếu với năm thức đồng thời cùng khởi thì cũng dùng năm thức làm câu-hữu y (sai).

Chuyển thức thứ bảy quyết định chỉ có một câu-hữu y: đó là thức thứ tám (đúng). Chỉ có thức thứ tám, hằng không biến chuyển, vì có thể tự lập nên không có câu-hữu y (sai).

(c) Nhà thứ ba giải thích

Nghĩa: Nói như trên còn chưa hết lý: thức thứ tám như bảy thức khác, đã đồng là tánh thức, tại sao chẳng chấp nhận cho nó có câu-hữu y? Thức thứ bảy, thức thứ tám, đã hằng cùng chuyển, đều thay nhau làm chỗ dựa cho nhau: sự kiện ấy có gì sai quấy?

Thích: Nghĩa này hoàn toàn đúng.

Nghĩa: Lại nữa, đã cho rằng: thức hiện khởi lấy chủng-tử làm chỗ dựa, ắt chủng tử của thức đó cũng phải được nhận là dựa vào cái thức hiện hành, vì bảy thức trước là năng huân, thức Di-thục là sở huân: hai loại này làm chỗ dựa cho tất cả chủng-tử sanh ta, lớn lên và tồn tại; nghĩa là: chủng-tử trong các thức, lia các thức năng huân thì chẳng được sanh ra và lớn lên; lia sở huân thì không có chỗ có thể dựa ở.

Thích: Đây là nghĩa nhân duyên, chẳng phải nghĩa câu-hữu y.

Nghĩa: Lại nữa, thức Di-thục, trong cõi có sắc, hay giữ gìn thân, dựa vào sắc-căn mà chuyển, như Khế-kinh nói: thức A-lại-da, bị gió nghiệp thổi, dựa khắp các căn, hằng nối tiếp chuyển. Du-già cũng nói: sáu thức như nhãn-thức, v.v... vì dựa vào các chỗ khác nhau, nên chẳng có thể nhận giữ có sắc-cân thân. Nếu thức Di-thục chẳng dựa nhờ cùng khắp các căn có sắc thì đáng ra như sáu thức, nó chẳng có thể nhận giữ, hoặc sắc-thân của nó lập ra có cái quấy chẳng định.

Thích: Thức Di-thục là có pháp, chẳng có thể nhận giữ: Tông. Nhân: vì chẳng dựa nhờ cùng khắp các căn có sắc. Dự: như sáu thức, hoặc nhân của nó lập có cái lỗi bất định. Thức Di-thục sắp tới, cũng đồng như sáu thức, là chẳng dựa nhờ cùng khắp, nhưng chẳng đồng sáu thức ở chỗ không nhận giữ: vậy là một nhân của nói mà phạm hai tông. Như thế, nó chỉ có nghĩa chấp-thọ (nhận giữ), cũng không có nghĩa “câu-hữu y”, vì cõi Vô-sắc không có căn-thân, mà thức thứ tám hiện có chuyển.

Nghĩa: Vì vậy mà Tàng-thức, nếu hiện khởi, nhất định có một chỗ dựa: đó là thức thứ bảy (đúng); tại cõi có sắc, nó cũng dựa vào sắc-căn (sai). Nếu là chủng-tử của các thức, nhất định có một chỗ dựa, đó là thức Di-thục: dựa vào thức Di-thục mà trụ thì sai, vì ở cương vị mới huân tập thì cũng dựa vào đó mà được huân; dựa vào thức Di-thục mà sanh ra và lớn lên cũng sai, như các chỗ trước đã nói.

(d) Nhà thứ tư chánh giải

Nghĩa: Các thuyết trước đều chẳng hợp lý, vì chưa phân biệt rõ đều khác nhau giữa sự dựa

(y) và chỗ bị dựa (sở y). Dựa là: hết thấy các pháp có sanh diệt, đều nhờ nhân, cậy duyên để được sanh ra và tồn tại: các sự “nhờ cậy” ấy đều gọi là “dựa”, chẳng kể gần xa, hơn kém, năng sở, như vua và bầy tôi cùng dựa vào nhau.

Nếu có sự dựa này là một; quyết định đồng thời xoay đổi (chuyên) là hai: có Cảnh có thể chiếu là ba: tự tại, làm chủ, chẳng do gì khác dắt dẫn là bốn; đủ bốn nghĩa như thế mới gọi là “chỗ dựa” (sở y), tức là sáu xứ bên trong, chẳng có cảnh, chẳng quyết định, chẳng làm chủ, thì chẳng phải là “chỗ dựa”. Chỗ dựa này, chỉ như ông vua, chẳng phải như bầy tôi, cho nên các Thánh-giáo nói: chỉ có tâm, tâm-sở gọi là có chỗ dựa, chứ chẳng phải là các sắc pháp, vì các sắc-pháp không có chỗ nương theo. Chỉ nói: tâm-sở dùng tâm-vương làm chỗ dựa; chẳng nói: tâm-sở làm chỗ dựa cho tâm-vương, vì tâm-sở chẳng phải là chủ.

Nhưng có nơi, hoặc nói sự dựa là chỗ dựa, hoặc nói chỗ dựa là sự dựa; nên biết: đều là tùy nghi mà giả nói. Do đó, năm thức đều cùng có chỗ dựa.

Chỗ dựa quyết định có bốn loại là: năm sắc-căn; thức thứ sáu, thức bảy, thức tám. Nếu thiếu một loại thì các loại kia, theo đó chẳng chuyên.

- năm sắc-căn là chỗ dựa đồng cảnh;
- thức thứ sáu là chỗ dựa phân biệt;
- thức thứ bảy là chỗ dựa nhiệm tịnh;
- thức thứ tám là chỗ dựa căn-bản.

Bốn loại sau khác như thế. Như vậy, các Thánh-giáo chỉ nói: năm thức dựa năm căn; vì cho của năm thức dựa chẳng chung, lại hẳn là duyên theo đồng cảnh, vì gần thuận nhau.

Chỗ dựa cùng có (câu-hữu y) của Ý-thức thức thứ sáu chỉ có hai loại là: thức thứ bảy, thức thứ tám. Nếu thiếu một loại, ắt nói chẳng chuyên.

Tuy năm thức đều giữ cảnh, phân biệt rõ ràng, nhưng chẳng nhất định có, nên chẳng phải là “chỗ dựa” của Ý-thức. Như vậy, các Thánh-giáo chỉ nói: thức thứ sáu dựa vào thức thứ bảy, vì đó là chỗ dựa nhiệm tịnh, đồng thuộc về chuyên thức, vì gần thuận nhau.

“Chỗ dựa cùng có” của thức thứ bảy có một loại: đó là thức thứ tám – Tàng-thức. Nếu không phải vậy, thì Mạt-na thức nhất định chẳng chuyên, nên như Già-tha nói:

*Lại-da làm chỗ dựa,
Nên có Mạt-na chuyên
Dựa nhờ Tâm và Ý
Các chuyên thức được sanh.*

Thích: Tâm, tức thức thứ tám, tức thức thứ bảy; các chuyên thức, tức thức thứ sáu trước.

Nghĩa: Chỗ dựa cùng có của thức A-lại-da cũng chỉ có một loại, tức là thức thứ bảy, vì luận nói: Tàng-thức hằng cùng Mạt-na đồng thời chuyên. Lại nói: Tàng-thức dựa “ô nhiễm” đó tức Mạt-na. Nhưng nói “ba vị không Mạt-na” là căn cứ vào tánh “hữu phú” (có che) mà nói, như nói: bốn vị A-lại-da”, chẳng phải không có thức thứ tám, mà điều này cũng phải như vậy.

Thích: Ba vị không có Mạt-na “hữu phú” là: A-la-hán, Diệt-tận định và Xuất-thế đạo.

Bốn vị không A-lại-da là: bậc vô học của ba thừa và Phật.

Nghĩa: Tuy có cõi Sắc, cũng dựa vào năm căn, nhưng chẳng nhất định có năm căn, bởi năm căn không thuộc chỗ dựa; chủng-tử của “các thức chẳng có thể hiện hành” giữ tự-cảnh, có thể có

nghĩa “dựa” mà không có “chỗ dựa”. Chỗ dựa của tâm-sở, tùy theo thức tương-ung với chúng nó mà nói, hết thấy đều tự gia thêm tâm-vương tương-ung: nếu nói như vậy là hợp với giáo lý một cách vi diệu đó.

Thích: Đây là phá nhà thứ ba, dùng năm sắc căn làm chỗ dựa của Tàng-thức, và phá thuyết nói: hiện hành dựa chủng-tử, chủng-tử dựa hiện hành, để kết thành chánh nghĩa vậy.

3) Giải thích khai đạo y (chỗ dựa mở lối)

Có ba nhà giải thích. Nhà thứ ba là chính.

a) Nhà thứ nhất giải, dựa vào nghĩa nối tiếp.

Nghĩa: Sau cùng là khai-đạo y, có nghĩa là: năm thức, vì tự tha, trước sau, chẳng nối tiếp nhau, nên phải có thức thứ sáu dẫn sanh: chỉ có thức thứ sáu làm khai đạo y, vì ý-thức thức sáu tự nó nối tiếp và cũng nhờ năm thức trước dẫn sanh. Vậy là chỉ dùng sáu thức trước làm khai đạo y, không dùng các thức thứ bảy, thứ tám, vì tự chúng nối tiếp, chẳng nhờ thức khác dẫn sanh mà chỉ dùng tự-loại làm khai-đạo y.

b) Nhà thứ hai giải, dựa vào nghĩa có sức.

Nghĩa: Thuyết trước chưa đạt lý rất ráo. Năm thức trước, ở vào cương vị chưa tự tại, và gặp cảnh chẳng có sức mạnh hơn cả thì có thể như họ nói, là: sau trước chẳng nối tiếp nhau. Nếu ở vào cương vị tự tại, như chư Phật tự tại đối với các cảnh, thì các căn được dùng thay nhau, xoay nhận quyết định chẳng nhờ tìm cầu, năm thức của thân ấy, há chẳng nối tiếp nhau sao?

Thích: Phần sau của đoạn trên phá cái nghĩa chẳng nối tiếp của năm thức, do nhà thứ nhất giải. Luận Du-già nói: do nhãn-thức sanh, có thể được các thứ tâm, theo thứ lớp của nó như sau: tâm noi theo, tâm tìm cầu, tâm quyết định: tâm đầu là nhãn-thức; tâm thứ hai tại ý-thức: điều này chứng tỏ, ở các cương vị (chưa tự tại) tất nhiên trước “tìm cầu” rồi sau mới “quyết định” chẳng phải ở cương vị tự tại có như vậy.

Nghĩa: Lại nữa, năm thức đẳng lưu, ở cương vị chưa tự tại, nếu gặp thắng cảnh, đã vì ý-thức nhiễm tịnh mà quyết định, lại vì tác ý nương theo chỗ có thể-lực dẫn sanh, thì chính trong khoảnh khắc đang chăm chú vào chỗ nương theo, chưa có thể xả bỏ đi được, tại sao chẳng nhận là: có nhiều niệm nối tiếp nhau?

Thích: Tông-kính duyên nói: tâm duyên-lự (nương theo cảnh mà lo nghĩ) có năm loại hành tướng:

- tâm noi theo, tức gặp cảnh liền khởi;
- Tâm tìm cầu, tức nơi cảnh chưa đến, mới có tìm cầu;
- tâm quyết định, tức xét biết thể cảnh mà có quyết định;
- tâm nhiễm tịnh, tức đối với cảnh có mừng hay chán mà khởi nhiễm ô hay thanh tịnh;
- tâm đẳng-lưu, tức niệm niệm nương theo cảnh, trước sau giống nhau.

Nên biết, năm chuyển thức trước, có được bốn tướng, chỉ trừ tướng tìm cầu, vì không theo niệm mà có hai loại phân biệt: kế độ (tức tính toán, cứu giúp)

- thức thứ sáu có đủ năm tướng;
- thức thức bảy có ba tướng: quyết định, nhiễm tịnh, đẳng lưu; không có hai tướng noi theo, tìm cầu. Nghĩa là: thức thức bảy thường nương theo hiện tại, nên không có tướng noi theo.
- thức thứ tám có ba tướng: noi theo, quyết định, đẳng lưu, không có nhiễm tịnh, tìm cầu.

Có tướng noi theo là: lúc mới thọ sanh, bắt đầu nương theo ba cõi, ba loại tánh cảnh.

Nghĩa: Bởi vậy, luận Du-già nói: sau tâm quyết định mới có nhiễm tịnh; sau tâm nhiễm tịnh thì có nhãn-thức đẳng lưu (trôi nổi giống nhau), lành, chẳng lành xoay đổi nhưng nhãn-thức đẳng lưu kia chẳng do tự nói có sức phân biệt, mà hoàn toàn nhờ vào ý-thức quyết định, nhiễm tịnh dẫn sanh, cho đến ý này chỉ nương theo sắc-thần, chẳng chạy theo các cảnh khác như: tiếng, mùi vị, v.v...; tùy theo thời gian của chúng trải qua sự trông mong mà hai thức Nhãn và Ý nối tiếp xoay đổi, hoặc thiện, hoặc nhiễm, cho dù ban đầu là nhãn-thức sanh, hay cho đến thân-thức, thì cũng nên biết như vậy. Thế là luận ấy có ý định bày tỏ thời gian trải qua của hai thức Nhãn và Ý cùng nối tiếp xoay đổi; lúc mắt đã thấy, chẳng phải là không có ý-thức, cho nên: chẳng phải là hai thức nối tiếp sanh nhau.

Lại nữa, nếu ở cương vị chưa được tự tại, mà gặp cảnh thịnh thêm lên, nối tiếp hiện tiền, lần chiếm thân tâm, không thể bỏ được, thì lúc đó năm thức của thân, lý phải nối tiếp, như lửa địa ngục hay cảnh vui quên ở các cõi trời vậy.

Thích: Lửa địa ngục là cảnh khổ thêm thanh. Vui quên ở cõi trời là cảnh vui sướng thêm thanh.

Nghĩa: Bởi vậy, luận Du-già nói: nếu sáu thức này ở niệm trước làm đẳng vô-gián duyên cho sáu thức kia ở niệm sau, tức giả lập việc này gọi là “ý căn”. Giả sử năm thức trước sau nhất định chỉ có ý-thức, thì luận ấy đáng ra phải nói: nếu sáu thức này làm đẳng vô-gián duyên cho một thức kia (vì năm thức sau nhất định chỉ có ý-thức); luận văn đã chẳng nói như vậy, cho nên biết: mỗi một trong năm thức đầu tự có nghĩa “nối tiếp”. Lại nữa, lúc năm thức khởi, tất nhiên đồng thời có ý-thức, tức năng dẫn niệm sau sau là ý-thức khiến khởi, sao lại giả lập năm thức làm khai đạo y?

Thích: Trên đây là pháp nhà thứ nhất: đều đúng. Sau đây, hoặc phá, hoặc lập: đều chưa đúng lý.

Nghĩa: Trong các cương vị: vô-tâm, ngủ say, chết giấc, ý-thức đã dứt; thời gian sau lại khởi thì Tàng-thức, Mạt-na thức, đã hằng nối tiếp, cũng phải làm khai đạo y cho ý-thức kia. Nếu nói: ý-thức kia chỉ dùng tự loại của thời gian trước để mở đường, thì tự tại loại của năm thức sao lại chẳng như vậy? Năm thức này đã chẳng được nhân cho như thế, tại sao sau lại chấp nhận cho ý-thức riêng được như vậy?

Thích: Tàng-thức, Mạt-na thức sao được làm khai đạo y cho ý-thức? Đó là sai lầm. Dùng tự loại trước để mở đường, vốn là đúng, nhưng phản phá điều ấy: đó là hai sai lầm. Chẳng nhận cho tự loại của năm thức khai đạo vốn sai, nhưng phải, tinh vào điều ấy: đó là ba sai lầm.

Nghĩa: Bình đẳng tánh trí tương-ung với Mạt-na lúc mới phát khởi, hễ do Ý-thức thứ sáu nhập vào hai pháp quán Không, thì cũng phải dùng nó làm khai đạo y. Đại viên kính trí tương-ung với tịnh thức thứ tám, ban đầu hễ do thức thứ sáu, thứ bảy, phương tiện dẫn sanh. Lại như, tâm Dị-thục, dựa vào Ý nhiễm ô, hoặc dựa vào Bi-nguyện tương-ung thiện tâm dẫn sanh; đã vậy, hễ phải nhận cho thức thứ tám cũng dùng thức thứ sáu, thứ bảy làm khai đạo y. Do đó, lời giải thích của nhà thứ nhất nói đều chưa rõ lý.

Thích: Ý nhiễm ô, tức là thức thứ bảy. Bi-nguyện tương-ung thiện tâm, tức là thức thứ sáu; nghĩa là: Bồ-tát do bi-nguyện ấy mà nhiều kiếp dài lâu làm việc lợi sanh, chẳng giữ Nát-bàn. Bởi vậy, tâm Dị-thục cũng dùng thức thứ sáu làm khai đạo y. Nghĩa này hoàn toàn sai lầm.

Nghĩa: Phải nói: đối với Ý-thức thì nội trong sáu thức trước, tùy tiền mà dùng thức nào đó

làm khai đạo y. Ý-thức thứ sáu thì dùng tự loại của niệm trước, hoặc thức thứ bảy, thứ tám làm khai đạo y. Mạt-na thứ bảy thì dùng tự loại của niệm trước hoặc thức thứ sáu làm khai đạo y. Thức A-đà-na thì dùng tự loại của niệm trước và thức thứ sáu, thứ bảy làm khai đạo y: tất cả đều chẳng trái lý, vì do trước đã nói.

Thích: Chỗ sai lầm là nhiều lệch lạc; đến dưới đây sẽ tự sáng ra.

c) Nhà thứ ba chánh giải

Nghĩa: Thuyết của nhà thứ hai cũng chẳng hợp lý. Khai đạo y phải đủ bốn nghĩa: một là chắc có; hai là pháp duyên lự; ba là tự tại làm chủ; bốn là có thể làm đẳng vô-gián duyên. Đủ bốn nghĩa này sau mới có thể sanh tâm, và pháp tâm-sở, dẫn đường mở tránh, gọi là khai đạo y. Điều này chỉ thuộc tâm, chẳng thuộc các tâm-sở.

Thích: “Chắc có” thì loại trừ Bất tương-ung hành không thực có. “Pháp duyên lự” thì loại trừ sắc pháp và pháp vô-vi, vì hai loại này có thể nương theo (duyên) để lo nghĩ (lự). “Làm chủ” thì loại trừ tâm-sở, vì chúng dựa vào pháp khác, chẳng được tự tại. “Đẳng vô-gián duyên” thì bỏ các loại khác, vì được cùng khởi.

Nghĩa: Nếu niệm trước này với niệm sau kia không có nghĩa cùng khởi mà nói rằng: niệm trước này đối với niệm sau kia có sức khai đạo thì một thân tám thức đã bao gồm sự cùng khởi, tại sao khác loại làm khai đạo y? Nếu nhận cho khác loại làm khai đạo y thì đáng ra tám thức chẳng cùng khởi, vậy là đồng với Dị-bộ của Tiểu-thừa chấp Tâm chẳng cùng sanh ngang nhau.

Lại trong một thân, các thức cùng khởi, hoặc hai hoặc ba, cho đến bảy, tám, nhiều ít chẳng định; nếu nói như vậy thì chỉ bỏ qua sự nhiều ít mà chẳng kể chỗ khác loại, thì nó đã hàm chứa sự thay nhau làm đẳng vô-gián duyên, ắt sắc-căn, v.v... với tâm khác loại cùng sanh ngang nhau lại cũng phải như vậy, đều có thể thay nhau làm đẳng vô-gián duyên: như thế là trái với Thánh-giáo, nói đẳng vô-gián duyên thì chỉ có tâm và tâm-sở. Nhưng *Nhiếp Đại-thừa* nói: “sắc cũng hàm có đẳng vô-gián duyên”: đó là lời buông lẩn; ý nói: Tiểu-thừa chấp sắc tâm thay nhau làm nhân duyên; nay muốn lẩn át ý chấp sai lầm ấy, bèn nói buông theo họ rằng: sắc-tâm chỉ có thể thay nhau làm đẳng vô-gián duyên, vì chữ “đẳng” chẳng kể sự nhiều ít mà chỉ diễn ý đồng loại; bởi vậy nên sắc đồng loại cũng có đẳng vô-gián duyên. Và lại, nói thế là đồng thời phá được cái chấp của họ giữ trước đó là: thức khác loại làm đẳng vô-gián duyên.

Thích: Đây là phá chỗ sai lầm trước, nói: tâm khác loại thay nhau làm khai-đạo y. Phần sau dẫn *Nhiếp Đại-thừa* để giải thích câu hỏi vặn. Câu hỏi vặn là: Nếu chỉ có Tâm, Tâm-sở làm Đẳng vô-gián duyên, tại sao luận *Nhiếp Đại-thừa* nói: “sắc cũng hàm có đẳng vô-gián duyên”? Nay giải thích điều đó, nói: *Luận Nhiếp Đại-thừa* vì muốn phá Tiểu-thừa vọng chấp: sắc tâm sau trước nói tiếp làm nhân duyên cho nhau, nên tạm nhận rằng: sắc tâm sau trước sanh nhau, chỉ nên hàm có đẳng vô-gián duyên, chứ không có nghĩa nhân duyên. Giả sử chẳng phải như vậy, thì chữ “đẳng” trong “đẳng vô-gián duyên” hoá ra vô dụng. Vì “đẳng” nghĩa là bằng nhau; một là nó hạn định ý nghĩa nhiều ít, hai là nó biểu diễn sự đồng loại. “Hạn định nhiều ít” là: dùng tâm nhiều, dùng sắc ít, cho nên tâm chỉ cùng với tâm làm đẳng vô-gián duyên, chẳng cùng với sắc làm đẳng vô-gián duyên; sắc đã ít dùng, cho nên không có nghĩa đẳng vô-gián duyên. “Biểu diễn sự đồng loại” như: trước là nhãn-thức, sau cũng là nhãn-thức, gọi là đồng loại; nếu ngóng trông nhĩ, tý-thức thì chẳng phải đồng loại.

Nghĩa: Bởi thế cho nên, tám thức đều chỉ tự loại làm khai đạo y, như vậy mới hợp với giáo-lý một cách sâu sắc, vì: tự loại hẳn nhiên không có nghĩa cùng khởi. Chỗ dựa bình đẳng không gián đoạn (đẳng vô-gián y) của tâm-sở thì phải tùy theo thức tương-ung mà nói. Tuy tâm, tâm-sở

khác loại cùng sanh ngang nhau, nhưng tương-ung với nhau, hoà hiệp giống như một, nhất định cùng sanh cùng diệt, sự nghiệp hẵn đồng; lúc một mở đường thì các tâm-sở khác cũng mở đường cho nên xoay vần làm đặng vô-gian duyên; các thức trông ngóng nhau, ắt hẵn chẳng như vậy, chớ nên so sánh (mà tưởng quấy). Nhưng các tâm-sở chẳng phải là khai đạo y, vì đối với nơi dẫn sanh, nó không có nghĩa làm chủ.

Thích: Ban đầu, nhân phá chỗ sai lầm trước mà kết thành chánh lý. Sau bàn bạc về khai đạo y của tâm-sở, nên giả đặt câu hỏi vặn rằng: Nếu chữ “đặng” là lời chắc hẵn biểu diễn sự đồng loại, thì các tâm-sở đối với các tâm-vương tương-ung, khác loại, cùng sanh ngang nhau, sao còn bảo “phải tùy theo thức tương-ung mà nói?” Nay giải thích chỗ đó, nói: sự tương-ung giữa tâm-sở và tâm-vương đều bình đẳng đối với tất cả các tâm và tâm-sở: về sự là cái thể của chỗ dựa; về nghiệp là cái dụng của việc làm, như: các pháp tâm-sở tương-ung với nhãn-thức, nhất định cũng nhãn-thức đồng dựa vào mắt (căn) nhất định cùng nhãn-thức đồng nương theo sắc-trần. Đối với các thức khác: cũng so sánh theo đó mà biết.

Nói “lúc một mở đường thì các tâm-sở khác cũng mở đường” là: như lúc nhãn-thức với “xúc” cùng sanh, ắt “thọ, tưởng, tư”, v.v... cho đến hoặc thiện, hoặc nhiễm, hết thảy đều sanh theo. “Xoay vần làm đặng vô-gian duyên” là: dựa vào sự kiện các tâm-sở dẫn sanh lẫn nhau. “Các thức trông ngóng nhau” đều không có nghĩa tương-ung hoà hiệp, không nhất định cùng sanh diệt, sự nghiệp tất chẳng đồng; bởi vậy, không nên so sánh với tâm-sở trong việc chấp nhận cho chúng làm đặng vô-gian duyên được. Nhưng lựa chọn về “duyê, y” thì các tâm-sở có nghĩa rộng, hẹp, chẳng đồng: nếu nói về đặng vô-gian duyên thì rộng, nên các tâm-sở có thể thay nhau là đặng vô-gian duyên; nếu nói về khai đạo y thì hẹp, nên các tâm-vương gọi là “y”, các tâm-sở chẳng phải “y”, vì chúng chẳng có thể làm chủ được.

Nghĩa: Nếu nói rằng: đặng vô-gian duyên của các tâm-sở tương-ung với các tâm-vương, cũng đều chỉ do tự loại dẫn sanh, chẳng do tâm-vương và tâm-sở khác loại dẫn sanh, ắt thức thứ bảy, thứ tám, lúc mới chuyển y (đổi chỗ dựa) hẵn thiếu loại đặng vô-gian duyên tương-ung như tín, v.v..., vì lúc chưa chuyển y, thức thứ bảy, thứ tám không có tín, v.v...¹²; nói vậy thì trái với Thánh-thuyết nói: các tâm, tâm-sở đều do bốn duyên sanh.

Thích: Nhân vì văn trước đây có giải thích chữ “đặng” là tiếng biểu diễn sự đồng loại, chẳng nhận cho tâm-sở khác loại dẫn sanh, nên mới có sự giải thích như trên.

Nghĩa: Không tâm, ngủ say, chết giấc; trong ba cương vị này, ý-thức tuy dứt, nhưng thời gian sau lại khởi: khai đạo y của nó tức là tự loại trước. Nên biết rằng: năm thức gián đoạn cũng vậy.

Hỏi: đã gián đoạn lâu, sao gọi là vô-gian?

Đáp: Chỉ vì trong thời gian đó, không có tâm nào khác loại len vào, nên gọi là “vô-gian”.

Hỏi: Lúc niệm trước mất rồi, niệm sau còn không, niệm nào khai đạo? Nay lúc thức sanh thì niệm trước chẳng có, niệm nào có thể khai đạo?

Đáp: Lúc niệm trước diệt rồi, đối với thức hiện nay, nó đã là khai đạo, cần gì phải phải khác làm khai đạo y? Nhưng trong Thánh-giáo, hoặc nói: sáu thức trước thay nhau dẫn khởi; hoặc nói: thức thứ bảy, thứ tám, dựa vào thức thứ sáu, thứ bảy mà sanh, đều là dựa vào tầng thượng duyên thù thắng mà nói, chẳng phải đặng vô-gian duyên, cho nên chẳng trái nhau.

¹² tín là một trong 11 món tâm-sở “thiện”.

Luận Du-già nói: “nếu thức này không gián đoạn thì các thức quyết định sanh, là nói: thức này làm đẳng vô-gián duyên cho các thức. Lại nói: nếu sáu thức này làm đẳng vô-gián duyên cho sáu thức kia, tức giả lập thức này tên “ý-căn”: lời thì nói chung, ý thì chỉ riêng, nên nay lời nói cũng chẳng trái; bởi vậy, dựa vào tự loại thì hợp với giáo lý một cách sâu sắc.

Thích: Trước làm sáng tỏ ý vô-gián. Kế đến làm cho Thánh-giáo được thông hiểu. Sau cùng, chỉ cho thấy ý của Luận Du-già nói qua hai chữ “tự, tha” bao trùm, giống như thông cả “tự tha” nhưng ý của nói chỉ lấy “tự loại sau trước” mà gọi “này kia” cho nên nói “lời chung, ý riêng” vậy.

3. Kết luận về chỗ dựa của bốn tụng

Nghĩa: Luận thêm đã xong, giờ phải xét rõ chánh luận: thức Năng-biến thứ hai này, tuy đủ ba chỗ dựa, nhưng trong bài tụng, mấy chữ “dựa kia xoay ...” chỉ bày tỏ hai chỗ dựa trước, vì muốn nói rõ rằng: chỗ dựa, chỗ nương của thức thứ bảy này đồng là thức thứ tám. Lại nữa, hai chỗ dựa trước này, vì có thẳng dụng nên phải nhấn mạnh; còn khai đạo y thì dễ biết rồi, nên tụng chẳng nói đến.

Thích: “Hai chỗ dựa trước” là: một, nhân duyên y, tức chủng-tử y; hai, câu-hữu y, tức hiện thức thứ tám vậy.

C.- Giải thích chỗ nương theo

1. Chánh thích chỗ nương theo

a. Giải thích sơ lược

Nghĩa: Như vậy đã nói xong chỗ dựa của thức này. Còn chỗ nương theo của nó thì sao? Tụng nói: “... xoay nương kia”, tức là cái thức mà nó dựa đó, vì thánh-thuyết nói: thức thứ bảy nương theo (duyên) tàng-thức.

b. Giải thích rộng

1) Lúc chưa chuyển y. Có bốn nhà giải thích. Nhà thứ tư là chánh.

a) Nhà thứ nhất giải thích.

Nghĩa: Nhà thứ nhất nói: Ý, tức Mạt-na này nương theo cái thể của thức thứ tám kia và năm pháp tâm-sở tương-ương. Luận nói: Mạt-na chấp Ta và cái của ta, vì hai cái đó hằng tương-ung. Nghĩa là nương theo thể của thức thứ tám và các pháp tương-ung, rồi theo thứ lớp ấy, chấp là T và cái của ta. Nhưng các tâm-sở, vì chẳng lìa thức, như chữ “Duy-thức” cũng thuộc tâm-sở, nên tụng chỉ nói “nương kia” mà không trái mất giáo lý.

b) Nhà thứ hai giải thích.

Nghĩa: Nhà thứ hai nói: thuyết của họ, theo lý thì chẳng phải như vậy, vì không có nơi nào từng nói: nương theo Xúc, v.v... Nên nói: Ý này chỉ nương theo kiến-phần và tướng-phần của thức kia, rồi theo thứ lớp ấy, chấp làm Ta và cái của ta, vì kiến-phần và tướng-phần đều là 611y thức làm thể. Như vậy, mới chẳng trái với thánh-thuyết.

c) Nhà thứ ba giải thích.

Nghĩa: Nhà thứ ba nói: thuyết trên cũng chẳng phải hợp lý, vì trong tướng-phần, năm cảnh của sắc-căn chẳng phải là thức uẩn. Lại nữa, trong tướng-phần thì thể giới là ngoại cảnh; nếu bảo

là Mạt-na nương theo nó thì cũng đồng như nói: năm thức nương theo ngoại cảnh; cũng đồng như nói: ý-thức, cũng như năm thức trước, đều nương theo cộng-cảnh. Đã nương theo căn-trần mà sanh ra chấp “cái của ta”, thì đáng ra người sanh lên cõi trời Vô-sắc chẳng chấp “cái của ta”, vì chán sắc mà sanh lên cõi trời ấy; vì chẳng biến thành sắc của căn-trần, thì phải nói: Ý này chỉ nương theo Tàng-thức và các chủng-tử của nó, rồi theo thứ lớp ấy mà chấp là Ta và cái của ta, bởi chủng-tử là công-năng của thức thứ tám, chẳng phải là vật thực có, như thế chẳng trái với Thánh-giáo.

d) Nhà thứ tư chánh thích.

Nghĩa: Nhà thứ tư nói: các thuyết trước đều chẳng hợp lý, vì các chủng-tử của sắc, v.v... chẳng phải thức-uẩn, vì Luận nói: các chủng-tử là thực có; nếu nói giả, ắt phải như không, vì chẳng có thể làm nhân duyên gần của các pháp.

Lại nữa, thức thứ bảy này cùng với “tát-ca-da kiến” hằng lặng lẽ xoay vần nối tiếp sanh ra, cần gì riêng chấp có Ta và cái của ta? Thí như ý-thức thứ sáu, trong lúc không nhất tâm thì có hai cảnh đoạn, thường, vì riêng chấp nghĩa trước cùng chuyên; cũng chẳng nên nói: cái Ta và cái của ta của thức thứ bảy là hai chấp trước sau riêng chuyên, vì thức thứ bảy từ vô-thỉ đến nay một loại hằng chuyên không có phần vị sau trước riêng khác.

Thích: Tát-ca-da, dịch là chứa nhóm. “Tát-ca-da kiến” tức thân kiến. Chính lúc chấp Ta thì chẳng thể riêng chấp “cái của ta”, chính lúc chấp “cái của ta” cũng không có thể riêng chấp “cái Ta”. Bởi vậy, hai chấp ấy, dụ như hai chấp “đoạn, trường” quyết chẳng “cùng khởi”.

Nay, thức thứ bảy, tương-ương với “thân kiến” đã một loại lặng lẽ xoay vần hằng nối tiếp mà sanh, cho nên chỉ có chấp Ta, càng không có chấp “cái của Ta” vậy.

Nghĩa: Nên biết: ý này chỉ nương theo Kiến phần của Tàng-thức, chẳng duyên theo các tướng-phần và chủng-tử tâm-sở, v.v... Kiến-phần của thức thứ tám kia, từ vô-thỉ đến nay, vi-tế, một loại nối tiếp chẳng dứt, vì giống như thường, giống như một, vì hằng làm chỗ dựa đối với các pháp. Thức thứ bảy này chỉ chấp kiến phần của thức thứ tám kia làm tự-ngã bên trong.

Trong luận, chỉ là nhân thể lực của lời nói nên nói: “cái của ta”, hoặc thức thứ bảy này chấp kiến-phần của thức thứ tám kia là cái Ngã của Ta, tức lấy Năng-chấp làm Ta, sở-chấp làm “cái của ta”, cho nên nơi một ngã kiến, dựa theo nghĩa mà nói hai danh từ là “Ta” và “cái của ta”. Nếu nói như vậy là khéo thuận theo giáo-lý, vì nhiều nơi chỉ nói: thức thứ bảy có ngã-kiến, bởi xưa nay, Ta và cái của ta, hai chấp ấy chẳng cùng khởi bao giờ.

Thích: Nói tiếp nên giống như thường; một loại vô-ký nên giống như một.

2) Lúc đã chuyển y

Nghĩa: Như vậy, thức thứ bảy, ở cương vị chưa chuyển y thì chỉ nương theo kiến-phần của Tàng-thức. Nếu đã chuyển y rồi, lại duyên theo Chân-như, và các pháp khác, vì Bình-đẳng tính trí chứng được 10 loại tánh bình-đẳng, vì biết sự hiểu biết rõ ràng sai khác của các hữu tình, thì hiện được các loại cảnh tượng của Phật. Nay trong bài tụng này nói lúc chưa chuyển y, nên chỉ nói: “thứ này nương theo tàng-thức kia”, vì mê với ngộ, thông suốt với bị hạn chế, lý phải như vậy, vì vô-ngã với có ngã, cùng khắp với chẳng cùng khắp (phải khác nhau).

Thích: 10 loại tánh bình-đẳng là:

- Các tướng thêm lên, vui yêu bình-đẳng.
- Tất cả duyên khởi, nhận lãnh bình-đẳng.

- Phi-tướng, dị-tướng tất cả: xa lìa bình-đẳng.
- Rộng cứu tất cả: đại-từ bình-đẳng.
- Không đọi gì cả: đại-bi bình-đẳng.
- Tùy chỗ chúng sanh vui sướng: thị hiện bình-đẳng.
- Kính yêu hết thảy chúng sanh: lời nói bình-đẳng.
- Thế gian vắng lặng đều đồng một vị bình-đẳng.
- Các pháp thế gian sướng khổ một vị bình-đẳng.
- Tu trông vô lượng công đức, rốt ráo bình-đẳng.

Trong đoạn này, “chúng được 10 loại tánh bình-đẳng” là giải thích nghĩa “duyên theo Chân như”, “biết sự hiểu biết rõ ràng sai khác của các hữu tình” là giải thích nghĩa “duyên theo các pháp khác”.

Bình đẳng tánh-trí ngộ, nên chỗ nương theo phải thông suốt; Mạt-na nhiễm-ô là mê, nên chỗ nương theo phải “bị hạn chế”. Bình-đẳng tánh trí duyên cảnh vô-ngã, nên cảnh ấy cùng khắp, thông nhiếp chân như và các pháp khác; Mạt-na nhiễm-ô nương theo cảnh có Ta, có Pháp, nên cảnh ấy chẳng cùng khắp mà chỉ là kiến-phần của thức thứ tám, chứ chẳng phải là gì khác.

2. Giải thích trở ngại

Nghĩa: Hỏi: Như thế nào gọi là: thức thứ bảy này lại nương theo chỗ dựa của chính nó là thức thứ tám?

Đáp: Như ý-thức có niệm sau, tức có nương theo cái ý của niệm trước đã mất. Cái ý trước kia là đẳng vô-gián duyên, nó được làm sở-duyên duyên đối với thức sau đã thành hình hẳn rồi; thức này dựa vào tàng-thức là tăng thượng duyên, cũng có thể làm sở-duyên duyên, lại có lỗi gì?

D.- Giải thích tánh tướng

Nghĩa: Tụng nói: “Nghĩ lường làm tánh tướng” là bày tỏ hành-tướng và tự-tánh của thức này: vì Ý lấy “nghĩ lường” làm tự-tánh, tức lại dùng cái nghĩ lường này làm hành-tướng. Điều này giải thích lý do đặt tên riêng, riêng cho Mạt-na, vì hay thẩm xét nghĩ lường là đặc tính và cũng là tướng riêng của Mạt-na. Lúc chưa chuyển-y thì nó hay thẩm xét nghĩ lường cái Ngã-tướng của nó chấp; lúc chuyển-y rồi, nó lại thẩm xét nghĩ lường cái không Ngã-tướng.

E.- Giải thích bốn pháp cùng nhiễm

Nghĩa: Tương-ung với ý này, có bao nhiêu tâm-sở?

Nó thường cùng bốn món phiền-não tương-ung; nghĩa là: từ vô-thỉ đến lúc chưa chuyển y, ý này lặng lẽ xoay vần, hằng nương theo Tàng-thức với bốn căn bản phiền não tương-ung. Bốn món đó là gì? “Đó là Ngã-si, Ngã-kiến, Ngã-mạn, Ngã-ái”:

- Ngã-si là: vô-minh, đầu óc tối tăm, tự-tâm tự biến hiện ra tướng Ngã, thành ra mê mờ đối với lý chân-như vô ngã, nên gọi là Ngã-si.
- Ngã-kiến là: chấp Ngã, đối với kiến-phần của thức thứ tám, vốn chẳng phải Ngã, lại vọng tưởng là Ta, nên gọi là Ngã-kiến.
- Ngã-mạn là: ngông ngáo, ý thị vào tướng Ngã tự chấp, khiến tâm cao ngạo, nên gọi là Ngã-mạn.
- Ngã-ái là: yêu cái Ngã, đối với cái Ta tự chấp, đem lòng tham đắm một cách sâu đậm, nên gọi là Ngã-ái.

Tụng dùng chữ “vói” trước “ngã-mạn, ngã-ái” diễn tả sự “cùng khởi với Ngã-kiến”; ngã-kiến, ngã-mạn cũng được cùng khởi với Ngã-ái. Đó là dụng ý ngăn chặn các bộ chấp “kiến, ái, mạn”, ba bóm không có nghĩa tương-ung.

Bốn món phiền-não kia thường khởi, thường quấy rối và làm vẩn đục nội tâm, khiến các chuyển thức bên ngoài hằng làm những sự việt tạp nhiễm (lộn xộn, không trong sạch). Các hữu-tình do đó mà phải chịu khổ sống chết xoay vần, không thể xa lìa, thoát khỏi cảnh khổ đó, nên gọi là phiền-não.

Thích: Đây là chánh thích bốn tướng phiền-não, và bày tỏ cái lỗi gây ra cảnh khổ đau của chúng. “Nội tâm” tức chỉ thức thứ bảy. “Các chuyển thức bên ngoài” tức chỉ sáu thức trước. Do thức thứ bảy vọng khởi ngã-si, ngã-kiến, ngã-mạn, ngã-ái, khiến cho các hạnh trong năm độ chẳng có thể quên tướng, đều thành hữu lậu, nên gọi là “tạp nhiễm”.

Nếu muốn ra khỏi luân-hồi, tất nhiên trước hải siêng năng quá vô-ngã. Nhưng thói “chấp Ngã cùng sanh” của thức thứ bảy vi tế, khó dứt, tất nhiên trước phải dùng thức thứ sáu, với tâm-sở chính Huệ tương-ung, dựa vào giáo-lý Đại-thừa, quán sát như thực, noi theo chủng-tử của chánh pháp Vô-ngã, dần dần huân tập, dần dần thâm nhập, cho đến thành thực mới được thức trí vô-lậu hiện tiền. Sau lại dùng cái thức trí vô-lậu này, siêng năng tu tập trong mọi trường hợp sinh sống thì cuối cùng bốn món phiền-não này mới dứt hẳn được.

Người hay luôn mồm nói chuyện lục-độ, vạn-hạnh, nhưng đối với pháp môn phá chấp, tâm chẳng từng nghiên cứu, mà cầu ra khỏi luân hồi, lại chẳng khó sao?

Hỏi: Đã do thức thứ bảy, khiến sáu thức trước hằng thành tạp nhiễm; đáng lý nên dùng ngay thức thứ bảy tu pháp quán Vô-ngã, cũng như cứu bệnh từ đầu, chặt cây từ gốc, tại sao lại dùng thức thứ sáu trước.

Đáp: Thức thứ bảy chấp Ngã, nguyên bởi thức thứ sáu huân cho của ấy, cho nên vẫn dùng thức thứ sáu để cứu bệnh thành Không, được cây từ gốc; huống nữa, thức thứ bảy, từ vô-thỉ tới nay, cho đến khi chưa chuyển vị, nó vẫn một loại thuộc tánh hữu-phú vô-ký, chẳng tương-ung với các tâm-sở Thiên như Tín, v.v... Lại không có sức của Dục, Thắng giải, Niệm, Định, làm sao có thể tự tu pháp quán Vô-ngã được? Bởi vậy, chúng ta nên phát tâm Đại-thừa; đối với tướng tánh Duy-thức, nên sanh lòng tin sâu, hiểu rõ; sau đó tu tập từ cương vị Tư-lương đến Bồ-đề, có thể gọi là thuận theo sự giải thoát từng phần. Nếu không thì tự do tu các hạnh, chỉ là gây nhân hữu-lậu vào các cõi Trời, Người, mà thôi.

Nghĩa: Hỏi: Căn-bổn-hoặc kia có 10 món. Tại sao chỉ có bốn món tương-ung với thức ấy?

Đáp: Vì có Ngã-kiến nên các kiến khác như Biên-kiến, Tà-kiến, ... chẳng sanh, bởi không có sự kiện một Tâm mà hàm chức hai Tuệ được.

Thích: Từ đây trở xuống đều là Hỏi – Đáp, để giải các chỗ nghi ngờ. Các kiến đều lấy Tuệ¹³ làm thể, nên chẳng cùng khởi.

Nghĩa: Hỏi: Tại sao thức này cần có Ngã-kiến, chứ chẳng phải các kiến khác?

Đáp: Hai Kiến-thủ và Tà-kiến chỉ từ phân biệt mà sanh, nên thuộc về chỗ dứt của địa vị Kiến-đạo. Các phiền não cùng khởi với thức thứ bảy này đều là cấu sanh, tất nhiên thuộc chỗ dứt của địa vị tu đạo.

¹³ đầu óc sáng suốt, hiểu biết mau lẹ

Ngã-sở kiến và hai loại đoạn, thường, biên-kiến đều dựa vào Ngã-kiến mà sanh. Nay thức thứ bảy này tương-ung với Ngã-kiến, chẳng dựa vào ngã-sở-kiến, đoạn thường-kiến mà khởi, cho nên không có ngã-sở, biên-kiến hằng chấp có Ngã bên trong: do đó, cần có ngã-kiến. Có ngã-kiến thâm quyết ắt Nghi chẳng khởi. Do yêu đắm Ngã, nên Sân chẳng sanh được. Bởi thế, phiền não cùng khởi với thức này chỉ có bốn món mà thôi.

Hỏi: Tại sao ba món Kiến, Mạn, Ái cùng khởi?

Đáp: Hành-tướng của chúng không trái nhau nên chúng cùng khởi thì có gì là quái?

Lại hỏi: Luận Du-già nói: tham khiến tâm thấp xuống, mạn khiến cất lên, sao chẳng trái nhau?

Đáp: Phân biệt với câu-sanh, ngoại cảnh với nội cảnh; nơi bị xâm phạm, chỗ được cậy nhờ, thô, tế có khác nhau. Bởi vậy, kia, đây, nghĩa vẫn không có trái ngược nhau.

Thích: Chỗ Luận Du-già nói có nghĩa là: thức thứ sáu tương-ung với “hoặc phân biệt”, tham nơi ngoại cảnh, xâm phạm người ngoài, vì hành tướng thô nên chẳng chịu cùng khởi. Còn thức thứ bảy tương-ung với “hoặc câu sanh” tham nơi nội cảnh, cậy nơi tự mình, vì hành tướng vi tế nên tự chẳng trái ngược nhau.

G.- Giải thích các Tâm-sở tương-ung

1. Lúc chưa chuyển-y

a. Chánh thích nghĩa của tụng văn

1) Hỏi đáp nêu tụng

Hỏi: Tâm-sở tương-ung với Ý này, chỉ có bốn món sao?

Đáp: Chẳng phải vậy, vì Tụng nói:

Và cùng Xúc, các thứ.

2) Giải thích riêng nghĩa của tụng văn

a) Một nhà nói: không có các tâm-sở khác

Nghĩa: Lời nói trên có nghĩa là: Tâm-sở tương-ung với ý này chỉ có chín món là: bốn món trước và năm pháp, tức “Xúc cùng các thứ” là: tác ý, thọ, tưởng và tư, vì Ý nhất định tương-ung với năm món tâm-sở biến hành. Tụng trước đã nói: “Xúc, v.v... với thức Dị-thực cùng khởi.” Nay sự nói đồng như trước, cũng là vô-phú, nên bày tỏ rằng: tâm-sở tương-ung thức thứ bảy khác với tâm-sở tương-ung thức thứ tám, bởi vậy mới đặt ra tiếng “và” với “các thứ” để diễn tả nghĩa gom góp lại mà nói. Trước bốn, sau năm hiệp cùng Mạt-na hằng tương-ung với nhau.

Hỏi: Tại sao Ý này không có các tâm-sở khác?

Đáp: Bởi vì:

- Tâm-sở Dục thì hy vọng cho sự vật được thích hợp. Thức thứ bảy thì lặng lẽ xoay đổi, duyên theo cảnh đã thích hợp, không có gì hy vọng, nên không có Dục.
- Tâm-sở Thắng-giải thì in giữ cảnh chưa từng được định. thức thứ bảy thì từ vô-thỉ hằng duyên theo định sự, đã trải qua sử in giữ rồi, nên không có Thắng-giải (hiểu biết rõ ràng).
- Tâm-sở Niệm chỉ nhớ rõ các sự việc đã từng được làm thành thói quen. Thức thứ bảy

hằng duyên theo cảnh hiện đang được nhận, không có chỗ được nhớ rõ, nên không có Niệm (nhớ.)

- Tâm-sở Định thì chỉ buộc tâm chuyên chú vào một cảnh. Thức thứ bảy thì lạng lẽ xoay đổi, trong từng sát-na duyên theo cảnh khác, đã chẳng chuyên-nhất, nên không có Định.

Thích: Nghĩa là: thức thứ bảy này duyên theo thức thứ tám kia, năng-duyên, sở-duyên đều sanh diệt trong từng sát-na, trước chẳng giống như sau, sau chẳng giống như trước (nên không có Định).

Nghĩa: Tâm-sở Huệ, tức là Ngã-kiến, nên chẳng nói riêng.

- 11 tâm-sở Thiện, vì là thanh tịnh nên chẳng cùng khởi với thức nhiễm ô này.
- Tuỳ phiền não sanh ra, tất nhiên là dựa vào phần vị trước sau sai khác của Căn-bản phiền não mà dựng lập. Thức thứ bảy hằng cùng khởi với bốn món phiền não, trước sau một loại, phần vị không khác, cho nên thức này không cùng Tuỳ phiền não liên hệ.
- Tâm-sở Hối thì theo đuổi tiếc giận mình trước đã làm ác mà tạo nên nghiệp. Thức thứ bảy thì lạng lẽ xoay đổi, hằng duyên theo hiện cảnh, chẳng theo nghiệp trước, nên không có Hối (hối hận).
- Tâm-sở Thuy-miên tất nhiên dựa vào thân tâm mê nặng, sức của các duyên bên ngoài tạm thời không có tác dụng. Thức thứ bảy thì từ vô-thỉ một loại chấp trong, chẳng mượn duyên ngoài, nên thức này chẳng có Thuy-miên (ngủ say)
- Hai món tâm-sở Tầm Tứ, đều cùng dựa vào “cửa ngoài” mà chuyển, cạn sâu suy tính, thô tế phát ngôn. Thức thứ bảy chỉ dựa “cửa trong” mà chuyển, một loại chấp Ngã, nên chẳng cùng với Tầm, Tứ tương-ung.

Thích: Duyên theo các cảnh của sáu trần, v.v... gọi là “cửa ngoài”. Duyên theo kiến phần của Tàng-thức gọi là “cửa trong”. Suy tính cạn, phát ngôn thô, gọi là Tầm. Suy tính sâu, phát ngôn tế, gọi là Tứ.

b) Bốn nhà nói: có các tâm-sở khác

(1) Nêu chung, bác bỏ lời giải trước

Nghĩa: Họ giải thích hai chữ “các thứ” không đúng lý, vì trong bài tụng (câu tiếp theo) lại nói: thức thứ bảy này “thuộc hữu-phụ vô-ký” tánh; lại vì trong bài tụng không nói “Ý cùng Tuỳ phiền não; do đó, trong bài tụng, hai chữ “các thứ” chính là nói đến Tuỳ phiền-não.

(2) Bốn nhà giải thích khác nhau. Nhà thứ tư là chính.

- Nhà thứ nhất giải:

Nghĩa: Trong sự việc này, có điều là: năm món Tuỳ phiền-não tương-ung cùng khắp với tất cả nhiễm-tâm, như Tập-luận nói: hôn trầm, trạo cử, bất-tín, giải-đãi, phóng-dật, trong tất cả các phẩm nhiễm ô, hằng cùng chung tương-ung. Nếu lìa năm pháp, như tánh không kham nhận, v.v..., ắt tánh nhiễm ô thành không, vì tánh nhiễm ô là xứ sở của chúng nói. Lúc phiền não khởi, tâm đã nhiễm ô, nên ở cương vị tâm nhiễm, tất có năm món kia, vì nếu phiền não khởi, tất do: không kham nhận, hiếu-động, bất-tín, giải-đãi, phóng-dật mà có.

Thích: Không tham nhận¹⁴ tức hôn-trầm; hiếu động tức trạo cử.

Nghĩa: Tuy trong Luận Du-già, các nơi lại nói: có Tuỳ phiền-não, hoặc sáu trong 10, cùng

¹⁴ kham nhận là: nhận lãnh để chịu đựng

khắp các nhiệm tâm, nhưng sau đều dựa vào nghĩa riêng mà nói cùng khắp, chẳng phải hoặc sáu hoặc 10 kia thực sự cùng khắp hết thầy nhiệm tâm; nghĩa là: dựa vào số 20 tùy phiền-não, nếu có giải-thông phần nào thô nơi phân biệt, thông phần tế nơi câu-sanh, thông nói hữu-phú vô-ký, và thông với bất thiện, lại có thể thông hay chướng Định và Huệ: các pháp này hiển lẫn nhau, nên nói là sáu; dựa vào số 22 tùy phiền não, nếu nó giải-thông phần thô nơi phân biệt, phần tế của câu-sanh, lại thông bất-thiện và hữu-phú hai tánh, nên nói là 10, tùy theo trường hợp cùng khắp các nhiệm tâm. Bởi vậy, thuyết này nói chỉ có năm tùy phiền-não, với thuyết kia nói sáu hoặc 10 cùng khắp; mỗi thuyết đều dựa vào nghĩa riêng, chẳng trái ngược nhau. Nhưng ý này chỉ dùng 15 tâm-sở tương-ung, đó là: chín pháp trước, 5 tùy phiền-não và một biệc cảnh Huệ. Ngã-kiến tuy thuộc Biệt cảnh Huệ, nhưng trong 51 tâm-sở, nghĩa nó có sai khác, nên mở làm hai.

Thích: 20 Tùy phiền-não, tức tiểu 10, trung hai, đại tám: đầy đủ như văn sau sẽ nói: “Giải” là hành-tướng. Nói 22 tùy phiền-não là: thêm tà dục tà thắng-giải. “Nghĩa có sai khác” là “ngã-kiến” chỉ thuộc tánh nhiệm; Huệ thì thông nhiệm, tịnh.

Nghĩa: Hỏi: Vì duyên gì mà ý này không có các tâm-sở khác?

Đáp: Vì 10 món Tiểu tùy, như Phần, v.v... thì hành-tướng thô động; còn thức thứ bảy này thì xét xử vi-tế, nên chẳng cùng khởi với các món Tiểu-tùy kia. Hai món Trung-từ: vô tâm, vô quý thì chỉ là “chẳng lành”; còn thức thứ bảy này thì vô-ký, nên chẳng tương-ung với các Trung-tùy kia. Trong các món Đại-tùy thì: Tán loạn, khiến tâm dong ruổi trôi nổi theo ngoại cảnh; còn thức thứ bảy này lại hằng chấp kiến-phần của thức thứ tám nên trong chỉ sanh một loại cảnh, chẳng duỗi trôi theo ngoài, nên thức này chẳng có tán loạn. Bất chánh-tri là: thân, ngữ, ý, khởi “hành” theo những môn pháp ngoài trái nghịch, vượt khỏi các phép tắc; còn thức thứ bảy này thì chỉ chấp pháp bên trong, nên chẳng cùng khởi với Bất chánh-tri. Không có các tâm-sở khác nữa, thì ý nghĩa như trước đã nói.

▪ Nhà thứ hai giải

Nghĩa: Phải nói rằng: sáu món Tùy phiền-não tương-ung cùng khắp với tất cả các nhiệm tâm, vì luận Du-già nói: Bất-tín, Giải-đãi, Phóng-dật, Vọng-niệm, Tán-loạn, Ác-huệ, thì tất cả các nhiệm tâm đều tương-ung: nếu không có Vọng-niệm, Tán-loạn, Ác-huệ, chẵn hẳn tâm chẳng có thể khởi các phiền não. Điều thiết yếu là có nương theo các loại cảnh giới “tăng thọ¹⁵”, phát khởi “vọng niệm” và “tà gián trạch”, mới khởi các phiền não như Tham, v.v...

Thích: Ở đây, thêm ba món tâm-sở là: Vọng-niệm, Tán-loạn, Ác-huệ. “Tà gián trạch” (lựa chọn quấy) tức Ác-huệ.

Nghĩa: Hôn-trầm, Trạc-cử, thì hành tướng trái ngược nhau, nên chẳng có thể khởi cùng khắp các nhiệm tâm. Luận nói: năm pháp cùng khắp các nhiệm tâm là: căn cứ vào hành tướng (giải) thông thô-tế, của chúng mà nói; chúng chỉ trái với các pháp thiện, vì tùy phiền não vốn chỉ thông với hai tánh bất thiện và hữu-phú.

Du-già lại nói: “10 món cùng khắp” thì nghĩa như trước đã nói.

Thích: Như vậy Ý này cùng khởi với 19 tâm-sở, đó là: chín pháp trước, 6 tùy phiền-não, với Niệm, Tịnh, Định, Huệ, và thêm Hôn-trầm. Đây nói riêng Niệm là căn cứ theo Huệ trước mà giải thích; và có Định là chuyên chú vào một loại Ngã-cảnh đã chấp, vì chưa từng xả bỏ. Thêm Hôn-trầm là: thức này cũng có với vô-minh rất nặng, nên tâm hôn trầm. Không có trạo cử, là vì

¹⁵ tăng thọ: nhận thêm, tức làm cho tâm tham đắm thêm

nó trái ngược với hôn trầm. Không có các tâm-sở khác nữa thì nên biết như trước đã nói.

Nghĩa: Đây lại thêm Niệm và Định, bỏ bớt Trạo-cử. “Đây nói riêng Niệm là căn cứ theo Huệ trước mà giải thích” là: vọng niệm, tuy tức lấy Niệm làm thể, nhưng nghĩa có sai khác.

▪ Nhà thứ ba giải thích

Nghĩa: Có nhà lại nói: 10 tùy phiền não tương-ung cùng khắp với tất cả các nhiễm tâm, vì luận Du-giá nói: Phóng-dật, Tạo-cử, Hôn-trầm, Bất-tín, Giải-đãi, Tà-dục, Tà-thắng giải, Tà-niệm, Tán-loạn, Bất-chánh tri; 10 món này, tất cả các tâm nhiễm ô đều khởi, vì chúng thông tất cả các xứ có liên quan với ba cõi. Nếu không có Tà-dục, Tà-thắng giải, thì lúc ấy, hẳn tâm không thể khởi các phiền não: nơi cảnh được nhận, điều cần thiết là phải vui hiệp, vui lìa, in giữ sự-tướng, rồi mới khởi các phiền não như Tham, v.v...

Thích: Tà-niệm, tức vọng niệm; Bất-chánh tri tức Ác-huệ. “Nơi cảnh được nhận ...” là: cảnh đáng yêu thì trong Tà-dục vui hiệp; với cảnh chẳng đáng yêu thì trong Tà-dục vui lìa, lại dùng Tà-giải quyết định, in giữ sự-tướng đáng yêu, mới khởi tâm tham; in giữ sự-tướng chẳng đáng yêu, mới khởi tâm sân vậy.

Nghĩa: Đối với các sự việc của sắc, v.v..., các điều nghi ngờ về lý, tất nhiên có do dự; bởi vậy, tâm tương-ung với Nghi cũng có Tà-thắng giải; nơi sự được nương theo, cũng có do dự, chẳng phải là Nghi trong phiền não, như nghi người trơ trọi chẳng gọi là phiền não.

Các chỗ khác chẳng nói: hai món tâm-sở “Tà-dục, Tà-thắng giải” là cùng khắp các nhiễm tâm, nghĩa là: nương theo tà-dục trong sự chẳng ưa thì tâm Nghi tương-ung với Tà-thắng giải, vì hai món “tà-dục, tà-thắng giải” này mong manh, nhỏ nhiệm, chẳng phô bày thô thiển, nên rút bớt chẳng nói, chứ chẳng phải hoàn toàn không có. Các chỗ khác nói tùy phiền não, hoặc năm, hoặc sáu, tất cả thay nhau có, không, nghĩa như trước đã nói.

Thích: Đây là giải thích câu hỏi vặn: Tại sao Tà-thắng giải chẳng cùng khắp các nhiễm tâm? Nguyên câu hỏi vặn là: nơi cảnh quyết định thì thắng giải in giữ làm tánh; nghi lấy do dự làm tánh; hai món này trái ngược nhau, tại sao tà-giải cùng khắp nhiễm-tâm được?

Đáp: Các điều nghi ngờ về lý thì, nơi các đế, lý tuy phá nghi, hoặc nơi các sự về sắc, tất không có do dự, cho nên vẫn được tương-ung với thắng-giải. Giả dụ nơi sự có nghi, thì cũng chẳng gọi là phiền-não, cho nên lúc nghi, sự tuy không có thắng-giải, nhưng là thắng-giải chẳng phương hại gì, bởi nó tương-ung với phiền-não Nghi lý.

Nghĩa: Tâm-sở tương-ung với Ý có 24 món. Đó là: chín pháp trước, 10 món Tùy phiền-não, thêm năm món Biệt-cảnh. Muốn giải thích thì dựa vào lý của văn trước mà giải. Không có các tâm-sở khác thì cũng theo các đoạn văn trên mà hiểu.

▪ Nhà thứ tư chính giải

Nghĩa: Các thuyết trước đều chưa rốt lý, bởi vì:

- Nghi đời khác, khi có khi không; vào những lúc đó, đâu có các tướng Tục, Thắng-giải! Vì thế mà Tà-dục, Thắng-giải chẳng cùng khắp nhiễm tâm.
- Lúc khởi phiền não, nếu không có Hôn-trầm, thì chẳng “nhất định có tánh không kham nhận”.
- Nếu không có Trạo-cử thì không có Hiếu-động, cũng như Thiện thì chẳng phải là nhiễm ô vậy.
- Nếu trong tâm nhiễm, không có Tán-loạn, thì chẳng phải là buông trôi, chẳng phải

làm tâm ô nhiễm

- Nếu không có Thất niệm, Bất chánh tri, tại sao hiện tiền có thể khởi phiền não?
- Bởi thế, tâm nhiễm ô quyết định đều cùng sanh với tám Đại Tuỳ phiền-não tương-ung; đó là Hôn-trâm, Trạc-cử, Bất-tín, Giải-đãi, Phóng-dật, Vọng-niệm, Tán-loạn, Bất chánh-tri.

Hai món Vọng-niệm, Bất chánh-tri, nếu lấy Niệm-huệ làm tánh, ắt chẳng cùng khắp nhiễm tâm. Tại sao vậy? – Tại vì: chẳng phải các nhiễm tâm đều nương theo “cảnh tăng thọ”, bởi có sự lựa chọn. Nếu Vọng-niệm, Bất chánh-tri lấy Vô-minh làm tự tánh, ắt hẳn khởi nhiễm tâm cùng khắp, bởi trước đã nói: nếu không có Thất-niệm, Bất chánh-tri, tại sao có thể khởi phiền não?

Thích: Các nhiễm tâm chẳng phải đều nương theo cảnh tăng-thọ, cho nên lấy Niệm làm tánh của Vọng-niệm thì chẳng cùng khắp. Các nhiễm tâm chẳng phải đều có lựa chọn, cho nên lấy Huệ65t làm tánh của Bất chánh-tri thì chẳng cùng khắp.

Nghĩa: Như vậy, ý này cùng 18 tâm-sở tương-ung. Đó là: chín pháp trước, tám đại Tuỳ phiền-não và một món Biệt-cảnh là Huệ. Không có các tâm-sở khác, và ba đoạn luận văn thì căn cứ theo như trước mà giải thích.

Nói như trên thì chẳng trái với giáo lý.

Thích: “Ba đoạn luận văn” là:

- Tạp-luận nói rõ năm pháp cùng khắp nhiễm tâm;
- Luận Du-già nói rõ sáu pháp cùng khắp nhiễm tâm;
- Luận Dụ-già nói rõ 10 pháp cùng khắp nhiễm tâm.

“Căn cứ theo như trước mà giải thích” là: các đoạn văn giải thông thô, tế.

Nghĩa: Ý nhiễm ô này tương-ung với Thọ nào?

- Có người nói: Cùng khởi với thức thứ bảy này thì chỗ có Hỷ-thô, vì nó hằng chấp kiến-phân của thức thứ tám làm ngã nên sanh Hỷ-thọ.
- Có người nói: Chẳng phải vậy. Nếu nói như trên, ắt phải chấp nhận Hỷ-thọ cho đến “Hữu đảnh” thì trái với Thánh-ngôn. Nên nói: Ý này tương-ung với bốn thọ. Đó là:

✦ sanh vào Ác-thú thì tương-ung với Ưu-thọ, vì nương theo nghiệp chẳng lành nó dẫn đến quả Chân dị-thục;

✦ sanh vào cõi Người, và cõi Trời Dục-giới, với đệ nhất tịnh-lự, đệ nhị tịnh-lự, thì tương-ung với Hỷ-thọ, vì nương theo địa có vui, được nghiệp lành dẫn đến quả Di-thục;

✦ sanh vào đệ tam tịnh-lự, tương-ung với Lạc-thọ, vì nương theo địa có sung sướng, được Nghiệp lành dẫn đến quả Dị-thục; - vào đệ tứ tịnh-tự

Thích: Đây, trước giả hỏi để nêu vấn đề, sau có ba cách giải, cách thứ ba là chính.

“Hữu-đảnh” là đứng đầu ba cõi, tức cõi Trời phi tưởng phi phi tưởng.

Nghĩa: Có người hỏi: nói như họ cũng chẳng hợp lý. Thức thứ bảy này, từ vô-thỉ đến nay, lạng lẽ xoay vần, một loạt duyên theo chấp Ngã bên trong, hằng không dời đổi, nên chẳng tương-ung với các Thọ thay đổi khác nhau. Lại thức Mạt-na này chỉ là liên kết với Tàng-thức trước, có nghĩa riêng, nên trong Tụng đều nói riêng về nó. Nếu bảo rằng: nó có bốn thọ cùng khởi, hẳn là Tụng cũng phải nói riêng như thế. Nay Tụng đã chẳng nói riêng, cho nên thức thứ bảy này cũng chỉ tương-ung với xả-thọ mà thôi.

Thích: “Các thọ thay đổi khác nhau” là: ưu, hỷ, khổ, lạc–thọ, biến đổi chẳng đồng.

2. Lúc đã chuyển-y

Nghĩa: Lúc chưa chuyển y thì tương-ung với 18 tâm-sở. Lúc đã chuyển y thì có 21 tâm-sở cùng khởi. Đó là: năm Biến-hành, năm Biệt-cảnh, 11 món Thiện, như thức thứ tám. Lúc đã chuyển y thì chỉ cùng xả-thọ tương-ung, vì lặng lẽ xoay chuyển, vì hằng bình đẳng chuyển theo chỗ nương theo.

Thích: Bình-đẳng chuyển là Bình-đẳng tánh trí và chứng được 10 tánh bình đẳng, cũng chỉ xả-thọ.

H.- Giải thích ba tánh

Nghĩa: Hỏi: Mạt-na, tâm-sở thuộc tánh nào?

Đáp: Thuộc hữu-phú vô-ký, chẳng phải thiện ác và vô phú vô ký, bởi vì ý này tương-ung với bốn phiền não là pháp nhiễm, chúng làm chướng ngại thánh đạo, che giấu tự tâm nên nói “hữu phú” (có che); chẳng phải “thiện, bất thiện”, nên gọi “vô ký”.

Hỏi: Đã là phiền não, sao chẳng “bất thiện”?

Đáp: Như ở hai cõi trên, các chủng-tử phiền não do sức định thu-giấu, chẳng khởi hiện hành được, nên thuộc tánh vô-ký. Ý này cùng pháp nhiễm hiện hành, do chỗ dựa của nó là thức thứ tám rất vi-tế, nó không lường tính mạnh, mà chỉ lặng lẽ xoay chuyển nên cùng không thuộc tánh vô-ký. Nếu đã chuyển y rồi thì chỉ là tánh thiện.

K.- Giải thích các cõi liên hệ

Nghĩa: Hỏi: Mạt-na, tâm-sở, liên hệ với địa nào?

Đáp: Tùy theo nơi Tàng-thức kia sanh về mà thức này lấy địa kia làm chỗ liên hệ; nghĩa là: sanh ở cõi Dục thì hiện hành Mạt-na và tâm-sở tương-ung liên hệ với cõi Dục; cho đến cõi Trời “hữu đảnh” thì cũng như vậy: nó hằng lặng lẽ xoay vần duyên theo tự địa của Tàng-thức, chấp đó làm nội ngã, chẳng nương theo địa khác.

Nếu khởi địa kia cùng Tàng-thức Di-thực hiện tại ở trước nó, thì gọi là sanh ở địa kia. Mạt-na nhiễm ô, tức trước tiên duyên theo Tàng-thức kia, chấp đó làm nội-ngã, tức hệ thuộc vào địa kia của Tàng-thức, gọi là “liên hệ với nơi kia”; hoặc vì bị ràng buộc bởi các phiền não ở địa kia, nên gọi là “liên hệ với nơi kia”, hoặc đã chuyển y rồi, tức chẳng phải bị liên hệ.

Thích: Địa kia là: tùy theo một địa, trong chín địa ở ba cõi, hoặc vì liên hệ với địa của Tàng-thức, là căn cứ vào chỗ nương theo mà giải thích, hoặc vì liên hệ với phiền não ở địa kia, là căn cứ vào nghĩa tương-ung mà giải thích.

L.- Giải thích khi lặng dứt

1. Nói rõ: không có Mạt-na thức nhiễm

Nghĩa: Hỏi: Ý nhiễm ô này, từ vô-thỉ nối tiếp, đến địa vị nào thì dứt hẳn, hoặc tạm dứt?

Đáp: Đến A-la-hán, Diệt-định, đạo Xuất-thế thì không còn. A-la-hán là bày tỏ chung quả vị vô học của ba thừa. Đến địa vị này, chủng-tử của Ý nhiễm, và hiện hành đều dứt mất vĩnh viễn, nên nói là “không còn”. Nếu ở địa vị hữu-học mà nhập vào Diệt-định, vào phép quán đạo Xuất-thế vô lậu, Ý nhiễm tạm lặng mất thì cũng có thể nói là không có. Có nghĩa là: ý nhiễm ô từ vô-

thì đến nay một loại vi tế, lạng lẽ xoay chuyển, nhưng các đạo hữu lậu của thế gian, tuy thiện, vẫn chẳng có thể làm nó lạng mất.

Thánh-đạo Nhị-thừa vô lua65u có làm cho nó lạng mất, nhờ dùng phép giải căn-bản thật sự vô-ngã, trái với ngã chấp của nói.

Hậu đắc-trí vô lậu hiện tiền bây giờ là quả đẳng lưu của phép giải Căn-bản thật sự vô ngã; quả này cũng trái với Ý nhiệm ô, bởi vì phép giải Chân vô-ngã, và Hậu đắc-trí đề là hai trí của đạo vô lậu nên đều được gọi là “đạo xuất thế”. Lại nữa, Diệt-định đã là đẳng lưu của Thánh-đạo, vì nó hết sức vắng lặng, nên Ý nhiệm ô này cũng tạm chẳng có. Nhưng đạo xuất thế và Diệt tận-định, vì chưa dứt hẳn các chủng-tử, nên sau khi xuất định và lúc lìa Quán thì Ý nhiệm ô này vẫn lại hiện hành cho đến địa vị “chưa diệt hết” nó vẫn hằng nối tiếp chuyên.

Như vậy, ý nhiệm này với các phiền não tương-ung, vì là câu sanh nên chẳng phải ở địa vị kiến đạo mà dứt được; lại vì là nhiệm ô nên chẳng thuộc phần chẳng dứt được. Ý nhiệm ô này với các phiền não tương-ung có những chủng tử hết sức vi tế, phải đạt đến “Kim-cang dụ định” mới dứt hẳn chúng được, thành bậc A-la-hán; vậy là đến địa vị vô-học, Ý nhiệm ô với các phiền não tương-ung mới vĩnh viễn lạng mất.

Nếu là Nhị-thừa vô học quay hướng Đại-thừa, thì từ lúc phát tâm, cho đến khi chưa thành Phật, tuy thực là Bồ-tát, nhưng cũng gọi là A-la-hán, vì ba nghĩa ứng-cúng, nên chẳng nói riêng họ.

Thích: Trong thức thứ sáu có: tham, si, mạn, là ba món phiền não câu-sanh (cùng sanh với thân) hết sức vi tế. Dựa vào chín địa trong ba cõi, mỗi món chia làm chín phẩm, thành ra 81 phẩm. Dứt hết phẩm nọ đến phẩm kia thì là “dứt lần” (tiệm đoạn). Phải có “Kim-cang dụ định” mới dứt hết các chủng-tử kia được. Nhưng thức thứ bảy với các phiền não tương-ung chỉ là một loại vi-tế, chẳng chia ra chín địa ba giới, nên dứt được chúng ngay thì gọi là “dứt thỉnh linh” (đốn đoạn): cũng phải có “Kim-cang dụ định” thì mới dứt như thế được.

2. Nói rõ có Mạt-na tịnh

a. Giải thích làm

Nghĩa: Có người nói: Chỉ có Mạt-na cùng khởi với Phiền não chướng, vì các Thánh-giáo đều nói: không có Mạt-na trong ba địa vị; lại nói: nó hằng tương-ung với bốn hoặc; lại nói: nó làm chỗ dựa tựa nhiệm cho sáu thức trước.

b. Giải chính thức

1) Nói rõ: không nhiễm, có tính

- Bác bỏ lời giải trước

Nghĩa: Có người nói: Lời giải trên, trái với Thánh-giáo, vì kinh nói có Mạt-na xuất thế. Ý-thức không nhiễm như lúc có nhiễm vì nhất định có thức câu-sanh, chẳng chung chỗ dựa.

Thích: Đây là bác bỏ chung trước. Kinh nói: có Mạt-na Xuất-thế, mà họ nói không có, há chẳng trái với Chánh-giáo sao?

Lại nữa, Ý-thức không nhiễm tất có Ý-căn làm chỗ dựa của nó; nhưng sau nói không có, há chẳng trái lý sao?

Nói “Ý-thức không nhiễm” tức là: tịnh thức thứ sáu, tương-ung với đạo Vô-lậu.

Nói “câu-sanh, chẳng cùng chỗ dựa” là chỉ Ý-căn thứ bảy. Lập lượng nói: Ý-thức tịnh là có pháp, nhất định có Mạt-na tịnh làm chỗ dựa cùng sanh mà chẳng chung (chỗ dựa): Tông. Nhân: vì nó thuộc loại chuyển thức. Dụ: như Ý-thức lúc có nhiễm.

Nghĩa: Luận nói: Tàng-thức quyết định hằng cùng chuyển với một thức, đó là: Mạt-na. Lúc ý-thức khởi, ắt Tàng-thức và cả hai cùng chuyển, đó là Ý-thức và Mạt-na. Nếu trong năm thức tùy khởi một thức, ắt Tàng-thức và cả ba cùng chuyển (một trong năm thức, ý-thức và Mạt-na): cho đến có lúc đột khởi năm thức, ắt Tàng-thức và cả bảy thức cùng chuyển. Văn nói rõ như vậy, nếu họ chấp: trụ Diệt-định không có thức thứ bảy, thì lúc đó Tàng-thức phải không có thức cùng chuyển; vậy là chẳng phải “quyết định hằng cùng chuyển với một thức”.

Lại nữa, thức thứ sáu nhập Quán vô-lậu, lúc trụ Thánh-đạo, nếu không có thức thứ bảy, thì lúc đó Tàng-thức chỉ phải cùng chuyển với một thức là thức thứ sáu, tại sao có thể nói: nếu ý-thức khởi, lúc ấy Tàng-thức nhất định cùng chuyển với hai thức?

Luận thuyết nêu rõ: Mạt-na hằng cùng tương-ung với bốn phiền não: đó là ở cương vị nhiễm; hoặc chuyển qua tương-ung với các hành vi cất nhắc lên (làm lành), hay hành bình-đẳng: đó là ở cương vị không nhiễm. Vậy, nên biết: Ý này thông cả nhiễm và không nhiễm.

Nếu do bốn luận nói: “địa vị A-la-hán không có nhiễm ý” mà nói không có thức thứ bảy, thì cũng nên nói rằng: do bốn luận nói: “Vị A-la-hán thì xả” nên cũng không có thức thứ tám. Thức thứ tám đã chẳng như thế, thức thứ bảy sao lại như vậy?

Lại nữa, các luận đều nói: chuyển thức thứ bảy thành Bình-đẳng trí, Bình-đẳng trí này, cũng như Đại-viên kính trí, Diệu-quan sát trí, v.v... nhất định có tịnh-thức là chỗ dựa tương-ung: nếu thức thứ bảy này không có, thì Bình-đẳng trí kia cũng phải không có, vì chẳng phải lia sở-y (chỗ dựa) là tâm-vương mà có được cái tịnh-huệ vô-lậu của Năng-y là tâm-sở (tâm-sở hay dựa). Lại chẳng có thể nói rằng: Bình-đẳng tánh trí dựa vào sáu thức mà chuyển vị Luận đã xác nhận rằng: Chư Phật hằng hành Bình-đẳng tánh trí giống như Đại-viên kính trí, không gián đoạn vậy.

Thích: Đây là chứng minh rộng rãi lời giải của họ trái với Thánh-giáo.

Nghĩa: Lại nữa, ở địa vị vô-học, nếu không có thức thứ bảy thì thức thứ tám phải không có câu-hữ y (chỗ dựa cùng có). Nhưng thức thứ tám hẳn nhiên là có chỗ dựa này, cũng như tánh của Nhân-thức, v.v... Lại như kẻ chưa chứng được “bồ đặc già-la” vô-ngã thì ngã chấp của họ hằng hiện hành cũng phải chưa chứng Pháp vô-ngã. Chấp Ngã, Pháp đã hằng hiện hành, nếu không có thức thứ bảy trong cương vị, thì cái tướng chấp Ngã, Pháp, trong ba cương vị ấy dựa vào thức nào? Chẳng có thể nói rằng: trong ba cương vị ấy, cái tướng chấp Ngã, Pháp dựa vào thức thứ tám, vì thấy Ngã, Pháp tức là Huệ, mà thức thứ tám thì không có Huệ là tâm-sở tương-ung của thức thứ bảy. Do đó, nên tin rằng: trong Thánh-đạo của Nhị-thừa, Diệt định vô-học, thức thứ bảy hằng hiện hành, vì chưa chứng được “pháp vô-ngã”.

Lại trong các luận, lấy năm thức trước làm đồng pháp, nhận thức có ý-căn thứ bảy làm câu-hữ y của ý-thức thứ sáu. Lúc thánh-đạo khởi, và ở địa vị vô học, nếu không có thức thứ bảy tịnh làm chỗ dựa cho thức thứ sáu tịnh, thì các chỗ lập Tông, Nhân, để biện luận, đều có sai quấy, hoặc đáng ra năm thức cũng không có năm căn làm chỗ dựa. Nay năm thức đã hằng có chỗ dựa thì thức thứ sáu cũng phải như vậy.

Thích: Đây là chứng minh rộng rãi chỗ trái lý. Nên lập lượng nói: Thức thứ tám ở địa vị vô học là có pháp, nhất định có thức thứ bảy tịnh làm câu-hữ y: Tông. Nhân: vì là tánh của thức. Dụ: như nhân-thức, v.v...

“Bồ đặc già là” vô ngã, tức là cái lý “không sanh”. “Pháp vô-ngã”, tức là cái lý “không pháp”.

“Lấy năm thức làm đồng pháp” là lập lương nói rằng: thức thứ sáu là có pháp, nhất định có thức thứ bảy là Ý-căn làm câu-hữu y: Tông, Nhân: vì thuộc loại chuyển thức. Dụ: như năm thức trước, tất dùng năm căn làm câu-hữu y.

Nay, nếu nói: “Thánh đạo của Nhị-thừa và địa vị vô học, chỉ có trí tuệ “không sanh” tương-ung với thức thứ sáu, mà không có thức thứ bảy tinh làm câu-hữu y, ắt trên Tông có cái quấy là có thể nói riêng, chẳng nói tổng quát, vì câu-hữu y chẳng nhất định phải có; trong Nhân có cái lỗi: “chẳng nhất định” nói chung, vì Nhân nói sáu thức trước đều là chuyển thức, mà năm thức trước thì nhất định có chỗ dựa, còn thức thứ sáu ở cương vị vô-lậu thì chẳng nhất định có chỗ dựa: như vậy người ngoài có thể đưa ra cái lỗi “chẳng nhất định” để chống lại mà hỏi rằng: như năm thức trước, thức thứ sáu trong mọi lúc, nhất định có chỗ dựa không? Như thức thứ sáu trong địa vị vô-lậu, năm thức trước cũng tất nhiên chẳng có chỗ dựa sao?

- Làm sáng tỏ chánh nghĩa

Nghĩa: Như vậy, nhất định có Ý không nhiễm ô. Trong tụng nói: ở ba địa vị vô-học, Diệt-định và đạo xuất thế, không có Mạt-na là dựa vào Ý nhiễm ô mà nó, như nói: không có A-lại-da, chẳng phải là không có thức thứ tám: điều này cũng phải như vậy.

Thích: Bốn địa vị không có A-lại-da là: bậc vô-học ở ba thừa và Phật.

- 2) Giải thích thông nhiễm tịnh sai khác

Nghĩa: Ý này sai khác lược có ba loại:

- Ý tương-ung với Bồ-đặc già-la ngã kiến;
- Ý tương-ung với pháp ngã-kiến;
- Ý tương-ung với Bình-đẳng tánh trí.

Thích: Bồ-đặc già-la ngã kiến tức Ngã chấp câu sanh. Pháp Ngã-kiến, tức Pháp-chấp câu-sanh.

Nghĩa: Ý tương-ung với sự chấp Ngã câu-sanh (loại 1) thì tất cả dị-sanh¹⁶ hằng nói tiếp trong mọi lúc. Nếu là bậc hữu-học Nhị-thừa và từ địa thứ bảy trở xuống, chỉ trừ bậc vô-học hồi tâm, còn tất cả các bồ-tát hữu-học khác, ở cương vị vô-lậu ắt chẳng hiện khởi; nhưng ở cương vị tâm hữu-lậu thì Ý của họ vẫn nương theo thức A-lại-da, khởi Ngã-cah61p câu-sanh.

Ý tương-ung với sự chấp Pháp câu-sanh (loại 2) thông với tất cả dị-sanh, Thanh-văn, Độc-giác, hết thảy đều hằng nói tiếp trong mọi lúc. Nếu tất cả Bồ-tát, vào lúc quả trí không pháp hiện tiền, ắt chẳng hiện khởi; nhưng ở cương vị “quả trí không pháp chẳng hiện tiền” thì Ý của họ vẫn nương theo thức Dị-thực, khởi chấp Pháp câu-sanh.

Ý tương-ung với Bình-đẳng tánh trí (loại 3) thông với tất cả Như-lai, hằng nói tiếp trong mọi lúc. Nếu bồ-tát vào Sơ địa, Thấy Đạo, vào sau Sơ-địa, ở cương vị Tu-đạo, lúc quả trí không pháp chẳng hiện tiền, ắt chẳng hiện khởi; nhưng ở cương vị quả trí không pháp hiện tiền, thì Ý của họ, hoặc là nương theo tịnh-thức vô-câu, hoặc là nương theo các thức Dị-thực, khởi Bình-đẳng tánh trí.

Thích: Bình-đẳng tánh trí của Như-lai duyên theo thức Vô-câu; Bình-đẳng tánh trí của Bồ-

¹⁶ dị-sanh: phàm phu

tát duyên theo thức Dị-thục.

Nghĩa: Trong cương vị khởi Ngã chấp câu-sanh thì pháp-chấp câu-sanh tất cũng hiện tiền. Ngã chấp tất dựa vào Pháp-chấp mà khởi, như ban đêm mê thấy cây trọt tưới tưởng là người (tưởng có người mới thấy mình sợ). Bởi vậy, hai kiến Ngã, Pháp dụng tuy có khác, nhưng chẳng trái nhau, đồng dựa vào một tâm-sở Huệ, như Nhãn-thức, v.v... Thê tuy là một, nhưng có phân biệt rõ ràng xanh, vàng, đỏ, v.v... nhiều dụng, vì chẳng trái nhau. Vấn đề này cũng phải như vậy.

Thích: Thấy cây tưới Người, dụ cho chấp Pháp; thấy mình sợ, dụ cho chấp Ngã.

Sau giải thích một thắc mắc: Có người hỏi vặn: trước đã nói: Ngã và ngã-sở (Ta và cái của Ta) quyết chẳng cùng khởi. Trong sự việc này, tại sao hai kiến Ngã, Pháp lại được cùng khởi? Nay giải thích điều đó, nói: dụng tuy có khác, mà chẳng trái nhau, vì đồng dựa vào một Huệ, chẳng phải trong 1 tâm có hai Huệ.

Lại hỏi vặn: Đã chỉ một Huệ, sao có hai chấp? Giải thích điều đó, nói: như một nhãn-thức, thành linh phân biệt xanh, vàng; như 1 Nhĩ-thức đồng nghe chuông, trống, lại cũng trái sao? Nên lập luận nói: Hai chấp Ngã, Pháp là có pháp, dụng chẳng trái nhau: Tông, Nhân: vì đồng dựa vào một Huệ. Dụ: như Thê của Nhãn-thức là một, mà phân biệt được nhiều sắc.

Nghĩa: Bạc Hữu-học Nhị-thừa, hoặc ở Thánh-đạo, hoặc lúc Diệt-định hiện tiền; đốn ngộ Bồ-tát ở trong cương vị Tu-đạo; và bạc Hữu-học hồi tâm tiệm ngộ Bồ-tát, nếu lúc quả trí không sanh hiện tiền, ba hạng người này đều chỉ khởi chấp Pháp, vì chấp Ngã của họ đã được Thánh-đạo, Diệt-định, Quả-trí không sanh làm cho lạng mất rồi.

Bạc Vô-học Nhị-thừa, và Vô-học hồi tâm tiệm ngộ Bồ-tát, lúc ở Quả trí không pháp chẳng hiện tiền, cũng chỉ khởi chấp Pháp, vì chấp Ngã của họ đã được dứt rồi.

Từ địa thứ tám trở lên, tất cả các Bồ-tát, hoặc đốn hoặc tiệm, thì chấp Ngã của họ đều vĩnh viễn chẳng hiện hành, vì đã được dứt vĩnh-viễn (Vô-học hồi tâm), hoặc đã được điều-phục vĩnh viễn (Đốn ngộ và Hữu-học hồi tâm).

Tuy ở địa thứ tám trở lên, nếu lúc “quả trí không pháp” chẳng hiện tiền mà còn khởi chấp Pháp, là vì “quả trí không sanh” và chấp Pháp chẳng trái nhau, như Khế-kinh nói: Từ địa thứ tám trở lên, tất cả các phiền não chẳng lại hiện hành, chỉ còn sở tri chướng làm chỗ dựa cho Ngã chấp. Nên biết: sở tri chướng này là hiện hành, chứ chẳng phải chủng-tử. Nếu chẳng phải vậy, thì chủng-tử phiền não còn chưa được dứt vĩnh viễn, nên cũng phải gọi là còn tồn tại.

Pháp-chấp câu-sanh của Ý-căn, nơi Nhị-thừa, tuy gọi là chẳng nhiễm; nhưng nơi các Bồ-tát cũng gọi là nhiễm, vì chính nó làm chướng ngại cho “Trí không pháp”, do đó, có tên là “Hữu phú vô ký tánh”; nơi Nhị-thừa nói là “vô phú”, vì sự chấp Pháp này tương-ưng với Trí, chẳng làm chướng ngại cho “Trí không sanh” của họ.

Lại thức thứ bảy này, tuy theo chỗ sanh, chỗ liên hệ của thức thứ tám, nhưng chẳng phải là thức Chân Dị-thục, mà chỉ là thuộc Dị-thục sanh, vì hằng thời sanh theo thức Chân Dị-thục thứ tám, nên gọi là “Dị-thục sanh” chẳng phải là quả Dị-thục do dẫn nghiệp chiêu cảm.

Hỏi: Sáu thức trước, một hẳn có tánh vô-ký, gọi là Dị-thục sanh, còn thức thứ bảy này, tại sao cũng gọi là Dị-thục sanh?

Đáp: Vì tên ‘Dị-thục sanh’ này có thể thông nhiếp, dụ như “tăng thượng duyên”, tuy chính chỉ là sáu căn còn phàm như trước; các duyên nào chẳng thuộc ba duyên đều được nhập vào tăng thượng duyên cả.

CHƯƠNG II – CHỨNG CỐ THỨC THỨ BẢY

▪ Đặt vấn đề - Hỏi đáp nêu chung

Nghĩa: Làm sao biết được thức thứ bảy này, là Nhãn-thức, v.v... có tự-thể riêng?

Đáp: Lấy Chánh-lý của Thánh-giáo làm định lương, có thể biết được.

▪ Nói riêng Giáo, Lý

I. Nói rõ Thánh-giáo

A.- Chánh thích

Nghĩa: Mọi nơi trong các Kinh, đức Bạc-già phạm đều nói: Tâm, Ý, Thức, ba loại có nghĩa riêng: Nhóm khởi là Tâm; Nghĩ lường là Ý; Phân biệt là Thức. Đó là ba nghĩa khác nhau.

Thích: Đức Bạc-già phạm, tức Đức Thế-tôn, bao gồm sáu nghĩa. *Phật địa Kinh luận* nói:

- Vì các đức Như-lai vĩnh viễn chẳng hệ-thuộc các phiền não, nên đầy đủ *nghĩa tự-tại*;
- Vì lửa trí tuệ cháy mạnh chỗ bị thiêu luyện, nên đầy đủ *nghĩa thanh đốt (xí-thạnh)*;
- Vì được trang sức với 32 diệu-tướng đại-sĩ, nên đầy đủ *nghĩa đoan-nghiêm*;
- Vì tất cả các công đức thù-thắng đều tròn đầy, không có cái gì chẳng biết, nên đầy đủ *nghĩa danh xưng*;
- Vì hết thấy thế gian, kẻ thân người gần cung dưỡng, đều khen ngợi, ca tụng, nên đầy đủ *nghĩa tốt lành*;
- Vì dù tất cả đức, thường khởi phương-tiện làm lợi ích và yên vui cho tất cả hữu-tình, không lười trễ mê muội, nên đầy đủ *nghĩa tôn quý*.

Hoặc vì có thể phá hoại bốn thức ma oán, nên gọi là Bạc-già-phạm.

Nghĩa: Như vậy, ba nghĩa tuy thông tám thức, nhưng tùy theo chỗ hiện lộ rõ hơn mà gọi:

- Thức thứ tám là Tâm, vì nó gom nhóm chủng-tử của các pháp và khởi ra hiện hành của các pháp;
- Thức thứ bảy là Ý, vì nó nương theo Tàng-thức, hằng xét nghĩ liệu lường làm Ngã;
- Sáu thức còn lại gọi chung là Thức, vì nơi sáu trần, cảnh-giới đều khác, thô-động, gián đoạn, phân biệt mà chuyển, nhưng *Nhập Lăng-già già-tha* nói:

*Tàng-thức nói tên Tâm,
Tánh nghĩ lường tên Ý,
Hay phân biệt tướng Cảnh
Đều nói tên là Thức.*

Thích: “Ba nghĩa thông tám thức” là:

- Tám món đều tên Tâm: tâm-vương có tám thức, vì cũng đều có nghĩa nhóm khởi;
- Tám món đều tên Ý, vì tám thức đều có Ý trước diệt là đẳng vô-gián ý, lại đều có nghĩa “nghĩ lường”;
- Tám món đều tên Thức, gọi là tám Thức vì mỗi mỗi đều có cái dụng phân biệt rõ ràng. “Tùy theo chỗ hiển lộ rõ hơn” là: – thức thứ tám có nghĩa “nhóm khởi” mạnh hơn; – thức thứ bảy có nghĩa “nghĩ lường” mạnh hơn; sáu thức trước có nghĩa “phân biệt” mạnh hơn.

“Nương theo Tàng-thức hằng xét nghĩ liệu lường làm Ngã” là:

- Tất cả phàm phu, Nhị-thừa có học, và các Bồ-tát trong tám địa trước, ở cương vị tâm hữu-lậu, thì thức thứ bảy nương theo A-lại-da, hằng xét nghĩ liệu lường Bồ-đặc già là Ngã;
- Bồ-tát Nhị-thừa, nhập Diệt-định vị, và quả trí không sanh hiện tại tiền vị, thì thức thứ bảy nương theo thức Di-thục hằng xét nghĩ liệu lường pháp Ngã.
- Bồ-tát vào địa, nơi quả trí không pháp, hiện tại tiền vị, thì thức thứ bảy nương theo thức Di-thục, hằng xét nghĩ liệu lường hai loại vô-ngã;
- Trong địa vị Như-lai, thức thứ bảy này nương theo thức Vô-câu, hằng xét nghĩ liệu lường hai loại Vô-ngã.

Nghĩa: Lại nữa, trong kinh Đại-thừa, chỗ nào cũng nói riêng có thức thứ bảy; vậy thức thứ bảy này quyết định là có riêng biệt. Các kinh Đại-thừa là *Chí-giác lượng*, trước đã nói nhiều rồi.

Lại trong kinh *Giải thoát* cũng có nói riêng về thức thứ bảy này, như trong Tụng của kinh ấy, nói:

*Ý nhiễm ô hằng thời
Cùng các hoặc sanh diệt
Nếu giải thoát các hoặc
Chẳng từng chẳng đang có.*

Kinh ấy tự giải thích: Ý của bài tụng này nói: Từ vô-thi đến nay, có Ý nhiễm ô với bốn phiền não hằng cùng sanh diệt; đó là: Ngã kiến, Ngã ái, và Ngã mạn, Ngã si. Sanh đạo đối-trị, dứt phiền não rồi, Ý năng theo đó bèn được giải thoát bấy giờ Ý này cũng với các phiền não tương-ung chẳng phải chỉ nay hiện không, cũng không hiện tại, quá khứ, vị lai, vì các phiền não không thực có tự-tánh.

Thích: Nếu dựa vào mê-tỉnh mà nói thì trong một niệm hiện tiền chứa nhóm vô lượng chủng-tử khổ của hoặc-nghiệp quá khứ, có thể khởi vô lượng sự khổ thuộc hoặc nghiệp tương lai. Nhưng quá khứ đã mất, tương lai chưa sanh, chỉ có một tâm trong sát-na này có thể gọi là có “thể tánh”. Nhưng cái thể tâm này, niệm niệm đổi dời, thay mới chẳng trụ, trải qua cái gì có thực thể sao? Dựa vào vọng-tâm này nên vọng thấy có ba đời sai khác. Quả là thấy tìm tâm, ắt hiểu rõ tâm không thể tìm được, hiện tại thành không, ba đời làm sao có? Chỉ để cho nó lặng dứt ba đời, mới có thể thông suốt khắp ba đời. Lại nữa, tìm tâm đã chẳng có thể được, há có hình tướng vuông, tròn, có cạnh góc? Chỉ để cho Nó tan mất 10 phương¹⁷ mới có thể chiếu khắp 10 phương. Cho nên nói quốc độ Phật như số bụi nhỏ, tự tha chẳng cách xa nhau khoảng đầu sợi lông, xưa nay 10 đời chẳng lìa nơi đương niệm. Đó là cái gọi là “chẳng từng chẳng đang có” vậy. Bởi thế, nói: sanh đạo đối trị thì phiền não dứt, chẳng phải như thế gian đem quân lập trận giết nhau, xây đồn đắp lũy chống định. Nhìn thẳng với trí hai Không¹⁸ quán sâu phiền não vốn không có tự-tánh, đã chẳng tự sanh, cũng chẳng tha sanh¹⁹, lại chẳng chung sanh, chẳng gì không có nguyên nhân mà sanh, chỉ là do nhân duyên hoà hợp, hư vọng như có sanh; chính lúc vọng-sanh, vẫn chẳng tại trong, cũng chẳng tại ngoài, chẳng tại khoảng giữa, chẳng ở quá khứ, chẳng ở hiện tại, chẳng ở vị lai, sanh tức không sanh, chung quy không có tự-tánh. Tự-tánh đã không, tha-tánh sao

¹⁷ tâm niệm dứt bật thì 10 phương không còn nữa

¹⁸ không Ngã, không Pháp

¹⁹ do người khác, vật khác sanh

có? Tự-tha đã không, há có cộng-tánh; “có” còn không thể được hưởng là không nhân mà sanh, quán chém dứt khoát như thế, chẳng cho ngừng nghỉ thì giải quyết hết các chủng-tử đã được chứa nhóm, nay tự phát khởi, hoặc khiến cho chúng tự tiêu; bởi vậy, trong phần Quyết-trạch của luận Du-già có nói:

Hỏi: Lúc dứt phiền não thì phải xả triền hay xả tùy-miên? (Triền là hiện hành; tùy miên là chủng-tử).

Đáp: Chỉ xả tùy-miên, tức Triền chẳng khởi.

Hỏi: Phải dứt quá khứ, dứt vị lai, hay dứt hiện tại?

Đáp: Chẳng dứt quá khứ, vị lai, hiện tại, nhưng nói là dứt ba đời. Vì sao vậy? – Nếu trong quá khứ có tâm tùy miên thì nó lạng lẽ xoay đổi biến mất, tánh nó đã dứt, nay dứt chỗ nào? Nếu trong tương lai có tâm tùy miên thì tánh nó chưa sanh, thể nó đã là không, nay dứt chỗ nào? Nếu trong hiện tại có tâm tùy miên thì sau sát-na này, tánh nó tắt chẳng ở, lại phải dứt sao? Lại nữa, có tùy miên, mà tâm lìa tùy miên, hai cái chẳng hoà-hiệp, bởi thế, hiện tại cũng chẳng có chỗ dứt. Ý ngoài (của người) như thế, ý trong (của ta) nghĩ vậy, hai bên làm nhân duyên cho nhau, được tương-ung với Chánh-kiến; theo hoặc (phiền não) sở trị, sanh tâm năng trị; tâm năng trị lìa thì hoặc sở-trị lạng; hoặc sở-trị lạng, tâm năng-trị không còn; thể là bình đẳng. Năng, Sở đều không, đâu còn Ngã, Pháp? Tâm Năng-trị lạng dứt, được tương-ung với Chánh-kiến, thì: nơi đời hiện tại, không có tùy miên; nơi đời quá khứ cũng không có tùy miên; sau sát-na này, tâm lìa tùy miên; ở đời vị-lai, cũng không có tùy miên. Từ đây về sau, nơi đã chuyển-y rồi, đã dứt hết tùy miên trong thân còn nối tiếp: đó là trí hậu-đắc thuộc thế gian. Tâm thiện, vô-ký, xưa, nay, và mai sau đều lìa tùy miên: thể là ba đời, đều được gọi là dứt.

B.- Rộng chỉ

Nghĩa: Như vậy, các Thánh-giáo, các bộ đều nói là có thức thứ bảy, nhưng sự dài dòng, chẳng dám kể nhiều.

II. Bài tỏ chánh lý

A.- Kết trước, mở sau:

Đã dẫn Thánh-giáo, nay hiểu Chánh-lý

B.- Bài tỏ Chánh-lý

1. Hằng hành vô-minh

a. Chánh hiển hằng hành

Nghĩa: Khế-kinh nói: “Vô-minh chẳng chung” vi-tế, hằng hiện hành, che đậy sự thật. Nếu không có thức thứ bảy này thì cái “vô-minh chẳng chung” kia đáng ra chẳng phải có. Nghĩa là: các dị-sanh, nơi tất cả phàm, hằng khởi “vô minh chẳng chung”, mê lý, cho nghĩa chân thực, làm chướng ngại con mắt Huệ của Thánh, như Già-tha nói:

*Nghĩa tâm thực đang sanh
Thường bị pháp chướng ngại
Cùng hành trong mọi phần
Gọi “vô-minh chẳng chung”.*

Thích: Nghĩa là: Nghĩa thực Năng-chiếu của tâm trí chánh lúc đang sanh, thường bị một pháp làm chướng ngại: pháp chướng ngại này cùng hiện hành với tất cả dị-sanh, trong phần vị thiện, ác, vô-ký ba tánh, đó gọi là “vô-minh chẳng chung”.

Nghĩa: Bởi thế, Khê-kinh nói: loại Dị-sanh hằng ở trong đêm dài, bị Vô-minh che tối, say mê ràng buộc tâm, đã từng không tỉnh giác. Nếu bảo trong cương vị Dị-sanh, chẳng hoặc có lúc tạm chẳng khởi Vô-minh ấy, vậy là trái với nghĩa kinh đã nói: họ hằng ở trong đêm dài, vì cùng ở trong cương vị Dị-sanh, như mê lý Vô-minh, mà có “hành với chẳng hành” thì chẳng hợp lý. “Vô-minh chẳng chung” này, nếu nói là dựa vào sáu thức, thì đều chẳng thành được, vì:

- hoặc là Vô-minh này phải gián đoạn như sáu thức trước;
- hoặc là sáu thức cùng hằng nhiệm như Vô-minh kia.

Chấp nhận có Mạt-na thì không có lỗi ấy.

b. Giải thích “chẳng chung”

Nghĩa: Ý nhiệm hằng cùng tương-ung với bốn hoặc. Các món hoặc này đều là Vô-minh, sao có hoặc nào riêng có tên là “chẳng chung”?

Thích: Đây là chỗ giả hỏi để nêu vấn đề. Dưới đây có ba nhà giải thích. Nhà thứ ba là chính.

Nghĩa: Nhà thứ nhất nói: món hoặc này, cùng với Ngã-kiến, Ngã-mạn, Ngã-ái, chẳng phải là căn-bản phiền-não, nên gọi là “chẳng chung” thì lỗi gì?

Thích: Ý nhiệm tuy cùng khởi với bốn hoặc, nhưng Ngã-kiến, Ngã-mạn, Ngã-ái, chẳng phải là căn-bản phiền-não, mà chỉ là Tùy phiền-não, cho nên tuy cùng khởi với bốn hoặc, nhưng ba món đã chẳng phải đồng loại, chỉ riêng có món Vô-minh là căn-bản phiền-não, nên gọi là “chẳng chung” thì có lỗi gì?

Lời giải thích này hoàn toàn không đúng.

Nghĩa: Nhà thứ hai nói: trong lời giải của họ, giáo và lý trái nhau: trong Tùy phiền-não, chẳng thấy nói có Ngã-kiến, Ngã-mạn, Ngã-ái. Ba món này thuộc căn-bản phiền-não. Nơi nơi đều nói: Mạt-na nhiệm ô hằng tương-ung với bốn phiền-não. Nên nói rằng: trong bốn phiền-não ấy thì Vô-minh là Chủ; tuy với ba món kia cùng khởi, nhưng gọi Nó là “chẳng chung” vì từ vô-thị Nó hằng hôn-mê chẳng hiểu lý không, đã từng xem xét, chỉ vọng chấp Ngã, không có lúc xét ngược lại, làm cho cái Si ngày càng tăng thêm.

Hỏi: Ba món hoặc cùng khởi với Nó, đáng ra phải gọi là tương-ung chứ?

Đáp: Ba món ấy, nếu lúc chúng hiện làm chủ, cũng nên gọi là “chẳng chung” như vô-minh: chấp nhận như thế cũng không lỗi.

Thích: Nếu lúc làm chủ, nên gọi là “chẳng chung” có nghĩa là: khi sống chết trôi nổi xoay vần, ắt tham ái làm chủ; làm chướng ngại Thánh-đạo, ắt kiến-mạn làm chủ: Kiến, ắt lệch chấp một lý, chẳng nhận hư-tâm; Mạn, ắt kiêu ngông, tự thị, chẳng chịu cầu người khác.

Nhà thứ hai giải thích tuy đúng nhưng chưa uyển chuyển đến chỗ rốt ráo.

Nghĩa: Nhà thứ ba nói: Món “Si” gọi là “chẳng chung”, như 18 pháp chẳng chung của Phật: chỉ Như-lai có. Nay, món Vô-minh này cũng vậy, chỉ thức thứ bảy có mà thôi.

Vạn hỏi: nếu thế, ắt các phiền-não tương-ung với sáu thức, mà thức thứ bảy không có, thì

cũng gọi là “chẳng chung” được?

Đáp: Chỉ dựa vào nghĩa “thù thắng” (hơn riêng) mà đặt tên “chẳng chung”, chẳng phải vì thay nhau không có mà nói; nghĩa là: Vô-minh tương-ung với thức thứ bảy, từ vô-thi, hằng hiện hành, làm chướng ngại nghĩa chơn-thực, và trí vô-lậu: đó là cái nghiệp dụng thù thắng mà các thức khác không có, chỉ thức thứ bảy có, nên gọi là “chẳng chung”.

Lại vặn hỏi: Đã thế thì ba món Kiến, Mạn, Ái, cùng khởi, cũng có thắng-dụng, cũng phải gọi là “chẳng chung” chứ?

Đáp: Vô-minh là chủ, nên riêng nó được gọi là “chẳng chung”; hoặc nhận cho ba món kia, khi chúng làm chủ, cũng được gọi là “chẳng chung”. Nay chỉ đối với cái Si tương-ung với các thức khác mà nói Vô-minh là “chẳng chung” vậy.

Như thế, Vô-minh chẳng chung, tổng quát có hai loại:

- một là hằng hiện hành chẳng chung, các thức khác không có;
- hai là riêng hiện hành chẳng chung, thức thứ bảy chẳng có.

Thích: Nói “vô-minh chẳng chung” có hai nghĩa, lẽ đã uyển chuyển đến chỗ rốt ráo vậy.

- Một “hằng hiện hành chẳng chung” là: ở cương vị hữu-lậu thường thường khởi hiện hành chẳng gián đoạn: điều này, chỉ thức thứ bảy mới có, các thức khác không có. Nay chính chỉ điều đó làm cho “vô minh chẳng chung”.
- Hai “riêng hiện hành chẳng chung” là: chẳng cùng chín căn-bản phiền-não khác đồng khởi; riêng mê xét cảnh thì chỉ thức thứ sáu có, thức thứ bảy không có. Không chỉ điều này của thức thứ sáu, nên nói “vô-minh tương-ung với thức thứ bảy là chẳng chung” vậy.

Nghĩa: Bởi vậy, luận Du-già nói: Vô-minh có hai:

- nếu cùng khởi với Tham, v.v... thì gọi là Vô-minh tương-ung;
- chẳng cùng khởi với Tham, v.v... thì gọi là Vô-minh độc hành.

Vô-minh độc hành chia là hai nghĩa, là Chủ, chẳng phải chủ. Nếu là vô-minh độc hành làm chủ, chẳng phải cùng khởi với 10 Tiểu phiền não, như Phẫn, v.v... thì nó hay phát nghiệp: chỉ đến địa vị kiến-đạo là dứt được. Như Khế-kinh nói: các bậc thánh hữu-học, vì “vô-minh chẳng chung” đã dứt vĩnh viễn nên chẳng tạo nghiệp mới; đây gọi là vô-minh độc hành làm chủ, làm “vô-minh chẳng chung”, chứ chẳng phải là loại “vô-minh tương-ung” hằng hành với thức thứ bảy.

Nếu chẳng phải là loại vô-minh độc hành làm chủ, mà là một trong 10 Tiểu-tuỳ làm chủ độc hành, thì loại vô-minh này thuộc chỗ dứt của địa vị Tu đạo, vì 10 hoặc Tiểu-tuỳ đề thông với chỗ dứt của địa-vị kiến đạo và Tu-đạo.

Thích: Nếu luận về Vô-minh của thức thứ bảy, cũng vẫn cùng khởi với Tham, v.v... thì cũng thuộc loại Vô-minh tương-ung. Chỉ lấy “hằng hành làm chủ” cho nên lại khắp được gọi tên là “chẳng chung”.

Nếu là “độc hành chẳng chung” lại chia ra hai nghĩa là: chủ và chẳng phải chủ, thì: chủ, ắt chỉ là chỗ dứt của địa vị Thấy đạo; chẳng phải chủ, ắt thông với chỗ dứt của cả hai địa vị: Thấy đạo và Tu đạo, nhưng đều chỉ cùng khởi với thức thứ sáu, chẳng đồng với thức thứ bảy hằng hiện hành chẳng chung: Thế là phân tích vi tế đặc biệt vậy.

Nghĩa: Hằng hiện hành chẳng chung, chỉ thuộc chỗ dứt của địa vị Tu-đạo, cho nên các bộ không có. Độc hành chẳng chung đã có hai loại, là chủ, chẳng phải chủ, thông với hai chỗ dứt của hai địa vị thấy đạo và Tu đạo, cho nên được đây kia năm bộ đều có.

Thích: Theo luận Câu-xá thì hoặc-nghiệp chia làm năm bộ, hay năm phần, năm loại:

- bộ một là chỗ dứt của sự thất Chân-lý Khổ;
- bộ hai là chỗ dứt của sự thấy Chân-lý Tập;
- bộ ba là chỗ dứt của sự thấy Chân-lý Diệt;
- bộ bốn là chỗ dứt của sự thấy Chân-lý Đạo;
- bộ năm là chỗ dứt của phần Tu-đạo.

Mười hoặc-nghiệp căn-bản đều do sự mê muội Chân-lý mà khởi, nên đều có bộ-phận: mỗi bộ phận mê muội đều khởi nhiều hoặc, cho nên bộ loại chẳng đồng.

“Hằng chẳng chung” chỉ có tại thức thứ bảy, chỉ thuộc chỗ dứt của phần Tu-đạo, cho nên nói các phần khác đều không có.

“Độc hành chẳng chung”, nếu chẳng phải là Chủ, thì thông với năm bộ, nên nói “đây kia đều có”. Nhưng nếu là “chủ độc hành” thì chỉ là chỗ dứt của địa vị Kiến-đạo: cũng nên nói rằng: bộ phận này chẳng có. Vì đây không phải là chánh ý nên chỉ nói qua thôi.

2. Làm duyên sanh thức

Nghĩa: Khê-kinh lại nói: Mắt, sắc, làm duyên sanh ra Nhân-thức, nói rộng cho đến Ý, pháp làm duyên sanh ra ý thức. Nếu không có thức thứ bảy này, ắt Ý và pháp làm duyên cho Ý-thức chẳng có; nghĩa là: như năm thức, tất có năm căn, như mắt, v.v... làm tăng-thượng-y, đều có chỗ dựa chẳng chung; Ý-thức đã là một trong sáu thức, thì thuận lý là phải nhận cho nó cũng có chỗ dựa như vậy. Thức thứ bảy nếu không có, thì làm sao có được tăng-thượng-y của thức thứ sáu cũng có chỗ dựa chẳng chung? Lại chẳng có thể nói sắc-tướng của chất não làm chỗ dựa của thức thứ sáu, vì đã gọi là Ý, tức chẳng phải sắc-tướng, vì ý-thức dựa vào ý nên có đủ tự-tánh, theo niệm mà lượng tính ba loại phân biệt. Nếu nói nó dựa vào sắc-tướng thì cũng đồng một hạng với năm thức, chỉ có tự-tánh phân biệt, chứ không có được hai loại phân biệt lượng tính theo niệm nữa. Cũng chẳng có thể nói năm thức không có chỗ dựa cùng có, vì năm thức với năm căn cùng thời mà chuyển, như hạt giống với mầm non, như hình với ảnh. Lại thức với căn đã hằng là đồng-cảnh, như tâm với sở, quyết định cùng thời.

Thích: Năm căn làm chỗ dựa của năm thức, chung có ba nghĩa:

- một là tăng-thượng, vì do căn phát thức;
- hai là chẳng chung, vì nhân-thức tự dựa nhân-căn, chẳng cùng chung với nhĩ-thức, v.v...;
- ba là cùng có, vì chính lúc mắt thấy là chính lúc thức hiểu rõ, đồng trong một sát-na, không có sau trước. Năm căn đều như vậy. Năm căn như năm hạt giống, năm thức như năm mầm non; năm căn như hình, năm thức như ảnh; năm căn như tâm-vương, năm thức như tâm-sở. Ý với thức thứ sáu, phải biết cũng như vậy.

Nghĩa: Do lý thú ấy, Ý-thức được thành lập, giống với năm thức như Nhân-thức, v.v... tất nó phải có xứ sở chẳng chung với thức khác; xứ sở đó là Ý, hay Ý-căn để nó bày tỏ tự tên của nó là ý-thức. Ý-căn thì chẳng thuộc về đẳng vô-gián duyên, mà là tăng-thượng-duyên, tức là chỗ dựa làm duyên cho thức sanh: thế là thành lập được tên của sáu thức, mỗi thức theo một căn.

Thích: Lập lượng nói: thành lập Ý-thức là có pháp, ắt có xứ sở chẳng chung, bày tỏ tự tên; chẳng thuộc đẳng vô-gián duyên, mà là tăng-thượng làm duyên cho thức sanh: Tông. Nhân: v2i

thành lập sáu thức, mỗi thức theo một căn. Dụ: như Nhãn-thức, v.v... Nói “chẳng thuộc về đẳng vô-gián duyên” là nói: như Luận Du-già nói: nếu sáu thức này làm đẳng vô-gián duyên cho sáu thức kia, tức giả lập thức này tên là Ý-gốc: điều này dựa vào sự kiện: thức trước diệt, làm khai đạo y cho thức sau; đó là lý do để giả lập tên Ý-gốc. Nay thức này đồng thời là chỗ dựa tăng-thượng (làm duyên cho thức sanh) thì chẳng thuộc về Ý đẳng vô-gián kia vậy.

3. Nghĩ lường tên là Ý

Nghĩa: Khế-kinh lại nói: “Nghĩ-lường tên là Ý”. Nếu không có thức thứ bảy thì cái Ý-nghĩ-lường kia ắt chẳng có. Nghĩa là: nếu lúc ý-thức hiện đang c9o1, thì ý đẳng vô-gián duyên đã mất, chẳng có, vì quá khứ, vị lai theo lý thì chẳng có. Ý đẳng vô-gián quá khứ kia đã mất thì cái dụng nghĩ lường của nó nhất định chẳng thành tựu được. Đã vậy, tại sao trong kinh nói “Nghĩ lường tên là Ý”?

Nếu nói “Nghĩ lường tên là Ý” là giả thuyết, lý cũng chẳng như vậy. Đã không “chánh nghĩ lường”, lại giả gọi là Ý, thì dựa vào đâu mà lập? Nếu nói, ý-thức vào lúc trước khi hiện có, đã từng có nghĩ lường, nay tuy đã mất rồi, nó vẫn được gọi là Ý, nhưng Ý này khác hẳn; sao chẳng biết rằng: ý-thức thứ sáu, lúc bấy giờ, chính khi hiện tại vị, tuy có nghĩ-lường, nhưng chỉ gọi là thức, sao nói là Ý được? Vậy biết riêng có Mạt-na thứ bảy hẳn xét nghĩ liệu lường, chính tên là Ý.

Nếu đã mất cái ý đẳng vô-gián, thì dựa vào Mạt-na thứ bảy mà lên tên Ý vậy.

Thích: Trước đây, trong đoạn phá Ngoại nạn, có nói: giả tất dựa vào thực, cũng chẳng hợp lý. Nay nói: “không chánh nghĩ-lường” thì giả dựa vào đâu mà lập? Vậy chẳng trái với lời mình nói sao?

Đáp: Danh từ của thế-gian, nhất định có dựa vào thực mà nói giả, và cùng có chẳng dựa vào Chân mà nói giả: nguyên vì chẳng phải là nói bao quát.

Dựa vào Chân nói giả, như: dựa vào Chân kiến đạo, giả nói Tướng khiến-đạo; dựa vào chủng-tử trong, giả nói chủng-tử ngoài; dựa vào Ý-nghĩ lường, giả nói Ý đẳng vô-gián.

Chẳng dựa vào Chân nói giả, như: thổ không sùng giả nói “sùng thổ”; rùa không lông, giả nói “lông rùa”. Lại như, không hai mặt trăng, giả nói “mặt trăng thứ hai”; hư không không có hoa, giả nói “hoa giữa hư không”; cho đến hai phần Kiến, Tướng, chẳng phải Ngã, Pháp, mà giả nói là Ngã, Pháp.

Cho nên nói: “giả tất dựa vào Chân” cũng chẳng hợp lý, ví lại chấp giả, ắt chẳng dựa vào sự thực há lại hợp lý sao?

Lại nữa, nếu dựa vào tự-tướng của các pháp gọi là Chân, ắt “nghĩ lường tên Ý”, cũng chỉ do cộng tướng của các pháp mà chuyển, nào có phải tự mình được trải qua các tự-tướng kia mà nói đâu! Chỉ là vượt trên cộng-tướng mà nói thực, nói giả vậy.

4. Định vô-tâm có khác nhau

Nghĩa: Lại Khế-kinh nói: định Vô-tướng, định Diệt-tận; hai loại chẳng đồng: giả sử Ý nhiệm thứ bảy nên không có, thì hai loại định kia ắt không khác nhau. Nghĩa là: hai định kia đều diệt sáu thức và các tâm-sở tương-ưng của chúng: “Thê” và “Số” không khác nhau. Nếu không có Ý nhiệm thứ bảy làm sao cho hai loại định ấy khác nhau (Vô-tướng thì có, Diệt-định thì không) thì hai định ấy khác nhau như thế nào? Nếu nói: gia-hạnh, giới-địa, sở, v.v... có sai khác thì lý cũng chẳng phải như vậy. Nguyên nhân của sự sai khác kia, chính là do thức thứ bảy này

mà có. Nếu thức thứ bảy này không có, thì nguyên nhân sai khác kia cũng không. Bởi thế, nhất định phải có cái Ý riêng biệt này.

Thích: “Thê” là tâm-vương; “sở” là tâm-sở. Nói: trong hai định này, tâm-vương bị diệt đồng là sáu thức; sở tâm-sở bị diệt đồng là 51. Nếu chẳng phải “có ý-nhiệm”, với “không ý-nhiệm” làm chỗ sai khác, ắt hai định kia chẳng khác nhau.

“Gia hạnh” là tác-ý, “Sở y” là giáo pháp; v.v... là các chỗ sai biệt còn lại: tự thê, giả-lập, vì Tập luận nói rõ: hai định kia có năm chỗ sai khác:

- một là chỗ dựa (sở y); hai là tự thê; ba là giả-lập; bốn là tác-ý; năm là giới-địa. Một: sở-y khác: định Vô-tướng do đệ tử của Ngoại-đạo, dựa theo tà-giáo của Ngoại-đạo thuyết mà tu. Định Diệt-tận do đệ tử của Phật dựa vào Chánh-giáo của Phật dạy mà tu.
- hai, Tự-thê là: định Vô-tướng, thê hữu-lậu; định Diệt-tận, thê vô lậu.
- ba, Giả-lập là: định Vô-tướng dựa vào ý hữu phú duyên theo A-lại-da mà giả lập; định Diệt-tận dựa vào Ý vô-phú duyên theo thức Dị-thục mà giả lập.
- bốn, Tác-ý là: định Vô-tướng, do lấy sự xuất ly Tác-ý vĩnh viễn làm gia-hạnh, định Diệt-tận do lấy Tác-ý tạm ngừng thờ làm gia hạnh.
- năm, Giới-địa là: định Vô-tướng hệ thuộc Sắc-giới xả niệm thanh tịnh địa; định Diệt-tận dựa Vô-sắc giới, nhập địa Phi Phi-tướng, luôn luôn chẳng hệ thuộc vào cõi nào.

5. Cõi Trời Vô-tướng có nhiệm

Nghĩa: Lại Khê-kinh nói: trong cõi Trời Vô-tướng, các hữu-tình, một khi đã sanh về đó, thì tâm, tâm-sở đều mất. Nếu không có thức thứ bảy thì cõi Trời Vô-tướng kia, đáng ra không có nhiệm. Nghĩa là: trong một thời gian dài, họ không có sáu chuyển thức. Nếu không có thức thứ bảy, ắt Ngã chấp câu sanh phải không có. Nhưng chẳng phải ở các xứ khác có đủ phước đức, một khi sanh về đó đều không có Ngã chấp. Cõi Trời Vô-tướng kia, nếu không có Ngã-chấp thì nó như cảnh Niết-bàn, đâu có đến nỗi để cho các bậc Hiền, Thánh, đều đồng chán, trách.

“Nên biết: ở cõi Trời Vô-tướng, thọ mạng được 500 kiếp. Trong nửa kiếp đầu, hữu tình về đó còn có Ngã-chấp, sau thì mất hiện hành; đến nửa kiếp cuối, hiện hành Ngã-chấp lại sanh. Vậy, trong khoảng trung gian dài 499 kiếp, họ không có Ngã-chấp hiện hành. Dựa theo điểm này, họ nói: cõi Trời Vô-tướng không có lồi lỗi là không được như Niết-bàn.

Nói như trên, tỏ ra họ không thấu đáo hai điểm:

một là: nếu không có thức thứ bảy thì đồng thời không có thức thứ tám, vì thức thứ tám là chỗ dựa của thức thứ bảy: như thế, làm sao có có chúng-tử chấp Ngã, để lại khởi thành hiện hành trong nửa kiếp cuối?

hai là: nếu không có thức thứ bảy thì không có sự huân tập cái Nhân vô-tướng để chiêu cảm quả báo Vô-tướng cho Hữu-tình, cho dù hiện hành Vô-tướng kéo dài 499 kiếp! 499 kiếp không có hiện hành chấp Ngã, để đến cuối nửa kiếp sau lại chấp Ngã thì nào có được gì? Và đâu phải là cảnh Niết-bàn, mãi mãi tịch-tịch!²⁰

Như vậy, đặc biệt phải có Mạt-na nhiệm ô, nơi cõi Trời Vô-tướng hằng im ả chấp Ngã, do đó các Hiền Thánh mới đồng chán, trách.

Thích: Nói “nào có được gì” là: quả báo Vô-tướng tuy kéo dài, mà chúng-tử chấp Ngã

²⁰ đoạn này không dịch mà được PQ viết lại theo ý trong nguyên văn

không mất thì đâu phải là Chân giải-thoát.

6. Ba tánh lúc nhiễm

Nghĩa: Khê-kinh lại nói: Di sanh lúc tâm vô-ký nhiễm thiện, hằng mang Ngã-chấp, nên không có thứ thứ bảy này thì cái chấp Ngã kia đáng ra chẳng có. Nghĩa là: loại Di-sanh, lúc tâm có ba tánh, sáu chuyên-thức trước tuy khởi các nghiệp lành, dữ, bên ngoài, nhưng bên trong hằng chấp Ngã; bởi do chấp Ngã khiến trong sáu thức khởi các nghiệp lành, như bố-thí, giữ giới, ngồi thiền, v.v... nhưng chẳng có thể quên tướng, nên Du-già nói: Mạt-na nhiễm ô làm chỗ dựa ở của sáu thức, lúc nó chưa mất thì tướng phân biệt bị ràng buộc, chẳng được giải thoát; Mạt-na nhiễm ô diệt rồi thì tướng bị ràng buộc được giải thoát.

Nói “tướng bị ràng buộc” là: bởi do Ý nhiễm hằng chấp Ngã nên khiến sáu thức trước, đối với cảnh tướng được chúng nương theo, chúng chẳng có thể hiểu rõ các cảnh tướng đó như ảo sự. Do đó, kiên phần làm cho tướng phân biệt nó bất gặp (hay nhận thức) chẳng được tự tại, nên gọi là “tướng bị ràng buộc”. Dựa vào nghĩa ấy, có Già-tha nói:

*Như vậy, Ý nhiễm ô
Là chỗ dựa (của) các thức
Ý đó, lúc chưa mất,
Thức buộc tướng chẳng thoát.*

Lại nữa, lúc tâm thiện và Vô-phú vô-ký, nếu không có thức thứ bảy hằng chấp Ngã thì nó chẳng là hữu-lậu, vì trong khi tự nối tiếp, các phiền não của sáu thức chẳng cùng khởi với Thiện, v.v... Nếu nói phiền não quá khứ, vị lai, nương theo sự ràng buộc, theo lý thì chẳng có như vậy, vì chẳng phải do tha-hoặc mà thành hữu-lậu, cũng chẳng phải do tha-giải mà thành vô-lậu.

Thích: “Tha-hoặc” chỉ các hoặc quá khứ vị lai. “Tha giải” chỉ Trí huệ “sanh không” ở quá khứ vị lai.

Hiện tại, sáu thức khởi các pháp thiện và vô-phú vô-ký, v.v... đã chẳng cùng khởi với các phiền não, nếu nói: vì quá khứ, vị lai có phiền não mà gọi là hữu-lậu, ắt các vị được quả như Tu-đà-hoàn, v.v... sau khi xuất quán, khởi tư-hoặc (nghĩ lầm) phải thành vô-lậu, vì trong quá khứ đã từng chứng vô-lậu. Lại người dùng bảy phương tiện, có tâm thiện, vô-ký, phải thành vô-lậu, vì tương lại ắt hẳn họ sẽ chứng vô-lậu.

Nghĩa: Lại chẳng có thể nói: ngoài tâm, tâm-sở, riêng có tùy-miên là Bất tương-ưng thuộc hành uẩn, ào lúc tâm thiện, v.v... hiện khởi nối tiếp; do đó, thiện, v.v... thành pháp hữu-lậu, vì Bất tương-ưng chẳng có thực thể, sáu thức trước đã cực thành rồi.

Cũng chẳng có thể nói: các món thiện ... kia, từ các chủng-tử hữu-lậu mà sanh, cho nên chúng thành hữu-lậu, mà Nhân hữu-lậu thì chỉ do thức thứ bảy chấp Ngã mới có. Nếu không có thức thứ bảy chấp Ngã, ắt các chủng-tử thiện kia không có Nhân, có thể khiến thành hữu-lậu cũng chẳng do nơi chủng-tử hữu-lậu khiến các món thiện ... hiện hành kia thành pháp hữu-lậu; cũng chẳng phải bậc hữu-học mà tâm hiện hành vô-lậu, do còn có chủng-tử hữu-lậu, cũng có thể thành hữu-lậu; hoặc tuy do phiền não dẫn đến các nghiệp bố thí, v.v... nhưng phiền não đã qua, chẳng cùng khởi với thiện, v.v... cho nên chẳng có thể làm chính Nhân của hữu-lậu, vì chữ “hữu-lậu” là biểu diễn sự cùng khởi một lúc với các lậu. Lại nghiệp vô-ký, chẳng do phiền não dẫn, làm sao có thể thành hữu-lậu?

Vậy, các hữu-lậu là do tự thân của phiền não hiện hành, cùng sanh cùng diệt, tăng thêm lợi ích cho nhau, mới thành hữu-lậu; do đó mà huân thành chủng-tử hữu-lậu; thời gian sau, các

chủng-tử này khởi hiện hành mới thành nghĩa hữu-lậu. Di-sanh đã như thế, các bậc hữu-học cũng như vậy.

Thích: “Tự thân” nói rõ: chẳng phải là Hoặc của kỷ khác. “Phiền não hiện hành” nói rõ: chẳng phải là chủng-tử tùy miên. “Cùng sanh cùng diệt” nói rõ: chẳng phải các món chẳng cùng khởi. “Tăng thêm lợi ích cho nhau” là: sáu thức khởi các pháp, như bổ thí, v.v... cùng thức thứ bảy chấp Ngã, thay nhau làm cho các tư ích thêm lớn lên.

Nghĩa: Bậc hữu-học vô-lậu, tuy tâm chẳng cùng khởi với các lậu, nhưng từ các chủng-tử hữu lậu thời trước khởi, cho nên thành hữu-lậu; điều này không trái lý.

Thích: Đây là giải thích một thắc mắc. Vấn đề: Nếu chữ “hữu-lậu” biểu diễn sự “cùng khởi với các lậu” ở trong địa vị vô học, đã hết lậu nhiễm tại sao năm căn năm thức vẫn còn gọi là hữu-lậu?

Nay giải thích điều đó, nói: Trong địa vị vô-học, năm căn năm thức là pháp hữu-lậu, tuy chẳng cùng khởi với tâm hữu-lậu thứ bảy, nhưng do thức Di-thục của họ chưa được Không, vẫn từ các chủng-tử hữu-lậu được huân tập vào thời gian trước mà khởi, nên thành hữu-lậu: điều này không trái lý.

Nghĩa: Do có thức Mạt-na hằng khởi chấp Ngã nên khiến các pháp thiện, v.v... thành nghĩa hữu-lậu. Nếu ý này không có, ở nghĩa hữu-lậu kia nhất định chẳng có. Vậy nên biết: đặc biệt có thức thứ bảy này.

C.- Rộng chỉ, khuyên tin

Nghĩa: Chúng có thức này, rất nhiều lý thú. Theo *Nhiếp Đại-thừa*, lược kể sáu loại. Các bậc có trí nên theo đó mà tin học.

III. Tổng kết qua các phương tiện

Nghĩa: Nhưng có kinh nói: Có sáu thức thì nên biết rằng: đó là tùy theo pháp môn mà chuyển lý, hoặc tùy theo chỗ dựa của sáu căn mà nói sáu: nhưng nói riêng các loại thức thì thực có tám loại.

Thích: Nói sáu căn, thì trong Ý căn đã có bao hàm hai thức là: thức thứ bảy và thức thứ tám vậy.